



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN

DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Giấy phép Đầu t- điều chỉnh số, do Bộ Kế hoạch và Đầu t- cấp ngày

NI M Y T C P H U

TR N TRUNG TÂM GIAO DỊCH CH NG KHO N TP.HCM

Giấy phép niêm yết số/GPNY

do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà n- ớc cấp ngày tháng năm 2005.

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ Đ- ỢC CUNG CẤP TẠI

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt nam.

Điện thoại: : (84-61)836361.

Địa chỉ: Số 1, đ- ờng 1A, Khu công nghiệp Biên Hoà II, Biên hoà, Đồng Nai.

Fax: (84-61) 836388.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Điện thoại: (84-8) 9433016/017.

Địa chỉ: 94 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội .

Fax: (84-8) 9433012.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt .

Điện thoại: (84-8) 8218564.

Địa chỉ: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh .

Fax: (84-8) 8218566.

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Linh Thín Pau

Điện thoại: (84-61)836361.

Địa chỉ: Số 1, đ- ờng 1A, Khu công nghiệp Biên Hoà II, Biên hoà, Đồng Nai.

Fax: (84-61) 836388.

1. CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Giấy phép đầu tư- điều chỉnh chuẩn y việc chuyển đổi số do Bộ Kế hoạch và Đầu tư- cấp ngày ... tháng ... năm 2005.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM.

1.1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt nam.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
Giá niêm yết: 18.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng niêm yết: 18.267.627 cổ phần.
Tổng giá trị niêm yết: 182.676.270.000 đồng.

TỔ CHỨC TÀI VỐN :

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 2, 5 Tòa nhà 94 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 9433016 - 9433017 - 9433435
Fax: (84-4) 9433012

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY KIỂM TOÁN KIỂM TOÁN TÀI VỐN VIỆT NAM (AACC)

Trụ sở chính: G02-Tòa nhà Maison de Thái thịnh 104 Thái thịnh, Q Đống Đa, HN.
Điện thoại: (84-4) 537 1913
Fax: (84-4) 537 1912

CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM (VACO).

Địa chỉ: Số 08, Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 8524123
Fax: (84-4) 852414

MỤC LỤC

I. NHỮNG NG- ỒI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	1
1. Tổ chức niêm yết.....	1
2. Tổ chức t- vấn.....	1
II. CÁC KHÁI NIỆM.....	1
III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.	2
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	2
2. Cơ cấu tổ chức.....	5
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	10
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.	10
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết.....	11
6. Hoạt động kinh doanh.....	12
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.	27
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.	28
9. Chính sách đối với ng- ời lao động.....	32
10. Chính sách cổ tức.	34
11. Tình hình hoạt động tài chính.	34
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.	38
13. Tài sản.	47
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 03 năm tới.	47
15. Đánh giá của tổ chức t- vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.	51
16. Thông tin về những cam kết nh- ng ch- a thực hiện của Công ty.	51
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh h- ưởng đến giá cổ phiếu:.....	51

IV. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	52
V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.	53
1. Tổ chức phát hành.	53
2. Tổ chức kiểm toán.....	53
3. Tổ chức t- vấn.....	54
VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.	54
1. Rủi ro biến động kinh tế.	54
2. Rủi ro pháp luật.....	54
3. Rủi ro tỷ giá hối đoái.	55
4. Rủi ro tài chính.	55
5. Rủi ro khác.....	55
VII. PHỤ LỤC.	55
1. Phụ lục I: Điều lệ Công ty.....	55
2. Phụ lục II: Báo cáo kiểm toán năm 2003, 2004 và Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2005.....	55

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.

1. Tổ chức niêm yết

Ông Shen Sang Pang	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.
Ông Chen Ping Sen	Chức vụ: Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.
Bà Cheng Yu Mei	Chức vụ: Kế toán tr-ởng Công ty cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi đ-ợc biết hoặc đã điều tra thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức t- vấn

Đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Quang Vinh
Chức vụ:	Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng t- vấn Chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu t-n-ớc ngoài thành công ty cổ phần và niêm yết chứng khoán số 20/2003/BVSC-TV với Công ty Cổ phần hữu hạn Dây và Cáp điện Taya Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã đ-ợc thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM.

- Công ty Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.
- Tổ chức niêm yết Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.
- TG□ Tổng giám đốc.
- CPHH Cổ phần hữu hạn.
- Taya Việt Nam. Tên tắt của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.
- BHXH. Bảo hiểm xã hội.
- PVC Polyvinyl Chloride, loại nhựa tổng hợp từ dầu mỏ.
- PE Polyethylene, loại nhựa tổng hợp từ dầu mỏ.
- XLPE Cross-linked polyethylene, loại nhựa tổng hợp từ dầu mỏ.
- QLDN Quản lý doanh nghiệp.
- NTD Ký hiệu đơn vị tiền tệ Đài Loan (Tân Đài Tệ).

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

1.1. Lịch sử hình thành.

Trong những năm ở thập kỷ 90 của thế kỷ XX, với tốc độ tăng trưởng nhanh về kinh tế cùng với chính sách mở cửa thu hút đầu tư của Chính phủ, Việt Nam đã trở thành nơi hấp dẫn để thu hút vốn của các nhà đầu tư trong khu vực và trên thế giới. Tập đoàn Taya cũng quyết định chọn phương án đầu tư tại Việt Nam để hình thành một cứ điểm mới. Đầu tiên là Công ty Hàng nghiệp CPHH Việt Sơn Minh theo Giấy phép đầu tư số 414/GP ngày 07/09/1992 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư Việt Nam (tiền thân của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp với tổng vốn đầu tư đăng ký là 6.995.000 đô la Mỹ, vốn pháp định là 3.955.000 đô la Mỹ. Sản phẩm chính là dây điện, cáp điện các loại. Dự án xây dựng nhà máy sản xuất được triển khai năm 1994 và hoàn thành đưa vào sử dụng đầu năm 1995.

Sau khi mua lại phần lớn vốn góp của các cổ đông khác, tháng 10 năm 1995, Công ty Hàng nghiệp CPHH Việt Sơn Minh được đổi tên thành Công ty CPHH Dây và Cáp điện Taya Việt Nam. Thương hiệu dây và cáp điện Taya chính thức đi vào sản xuất tiêu thụ tại thị trường trong nước và xuất khẩu.

Trong khoảng thời gian từ năm 1992-2004, được sự cho phép của Chính phủ Việt Nam, Công ty đã 05 lần tăng vốn đầu tư cũng như vốn pháp định (*) để đáp ứng cho nhu cầu trang bị mới máy móc thiết bị và phát triển sản xuất kinh doanh.

- Năm 2001: Công ty đã đầu tư hoàn thành công trình xây dựng đúc nguyên liệu đồng đầu tiên cho nhà máy với hai lò nấu đồng công suất 2.000 tấn/năm/lò.
- Năm 2002: hoàn thành công trình nhà xây hiện đại sản xuất sản phẩm dây điện từ và nhà xây dựng đúc nguyên liệu đồng số 2 trong đó trang bị thêm hai lò nấu đồng công suất 2.000 tấn/năm/lò.

Việc đầu tư này đã tạo thành hệ thống sản xuất liên tục và khép kín 100% từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản xuất ra sản phẩm dây cáp điện các loại. Điều này đã giúp cho Công ty thành công trong việc khống chế chất lượng sản phẩm, hạ thấp giá thành sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và thỏa mãn nhu cầu thị trường.

Năm 2003, nhận thấy tiềm năng phát triển và nhu cầu thị trường rất lớn đối với sản phẩm dây và cáp điện tại khu vực Miền bắc Việt Nam, đồng thời để khắc phục những bất lợi trong vận

(*) Xem thêm chi tiết phần 1.2 của III, mục Tóm tắt quá trình phát triển vốn của Công ty.

chuyển hàng hoá và rút ngắn thời gian giao hàng, Công ty đã mở thêm nhà máy sản xuất đặt tại xã Cẩm điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải d-ong (**). Nhà máy mới ra đời đảm nhận vai trò phát triển thị tr-ởng của Công ty tại các tỉnh thuộc khu vực Phía Bắc trở vào đến Thành phố Đà nẵng. Nhà máy đ-ợc đầu t- hoàn chỉnh từ khâu nung đúc nguyên liệu đồng (với 02 lò nấu đồng có công suất 2.000 tấn/ năm/ lò) đến khâu sản xuất ra các loại dây điện, cáp điện và dây điện từ.

Đ-ợc sự cho phép của Chính phủ Việt nam theo tinh thần của Nghị định 38/2003/NĐ-CP ban hành ngày 15 tháng 04 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu t- n-ớc ngoài sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty CPHH Dây và Cáp điện Taya Việt nam thông qua đơn vị t- vấn là Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã xây dựng và nộp bộ hồ sơ đăng ký chuyển đổi lên Bộ Kế hoạch và Đầu t- . Theo đó, Công ty CPHH Dây và Cáp điện chọn hình thức giữ nguyên giá trị doanh nghiệp và chuyển nh-ợng một phần vốn cho các cổ đông mới.


Ngày 16 tháng 09 năm 2004, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 1325/CP-ĐMDN về việc chuyển một số Doanh nghiệp có vốn đầu t- n-ớc ngoài sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, theo đó Taya Việt nam là một trong số sáu doanh nghiệp có vốn đầu t- n-ớc ngoài đầu tiên đ-ợc Chính phủ Việt nam chấp thuận cho phép chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần có vốn đầu t- trong n-ớc.

Trên cơ sở đó, ngày 04 tháng 10 năm 2004, Bộ Kế hoạch và Đầu t- đã có công văn số 6284/BKH-ĐTNN về việc chấp thuận cho phép Công ty CPHH Dây và Cáp điện Taya Việt Nam đ-ợc phép thực hiện chuyển đổi sang Công ty cổ phần có vốn đầu t- trong n-ớc theo Ph-ơng án chuyển đổi đã đ-ợc Chính phủ Việt nam phê duyệt. Do nhu cầu cần phát triển vốn để đầu t- cho Nhà máy sản xuất tại tỉnh Hải D-ong nên Công ty đã có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu t- xin điều chỉnh Ph-ơng án chuyển đổi và Vốn điều lệ từ 165.205.300.000 đồng lên 182.676.270.000 đồng. Ngày 04 tháng 02 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu t- đã có công văn số 839/BKH-ĐTNN chấp thuận điều chỉnh Ph-ơng án chuyển đổi và Vốn điều lệ theo đề xuất của Công ty CPHH Dây và Cáp điện Taya Việt nam.

Sau khi đã hoàn tất thực hiện Ph-ơng án chuyển đổi đã đ-ợc Chính phủ Việt nam phê duyệt, Công ty đã báo cáo kết quả thực hiện với Bộ Kế hoạch và Đầu t- và nhận đ-ợc Giấy phép đầu t- điều chỉnh chuẩn y việc chuyển đổi số 414-CPH/GP vào ngày 07 tháng 10 năm 2005 để chính thức chuyển sang hoạt động d-ới hình thức Công ty cổ phần.

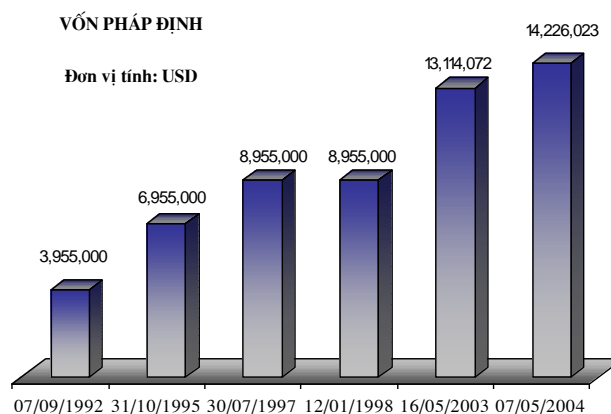
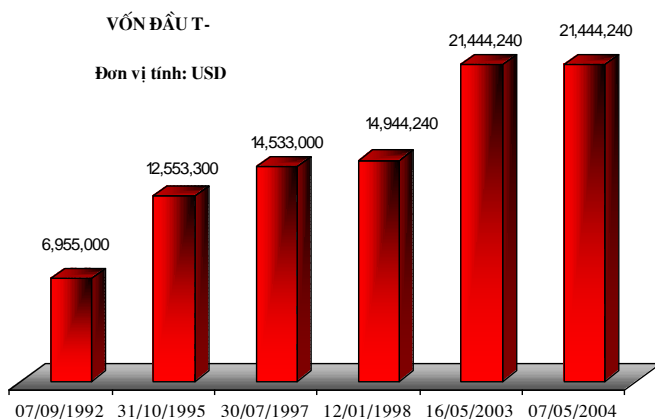
(**) Nhà máy rộng 6 hec-ta cách Hà nội 40 Km về phía đông, cách Hải phòng 50 Km về phía tây, rất thuận lợi cho việc nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu các sản phẩm cũng nh- tiêu thụ tại thị tr-ởng miền Bắc.

1.2. Giới thiệu về Công ty.

- **Tên Công ty** : **CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**
- **Tên tiếng Anh** : **TAYA (VIETNAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY**
- **Tên viết tắt** : **TAYA VIETNAM**
- **Biểu tượng của Công ty** : 
- **Vốn điều lệ** : 182.676.270.000 VNĐ (*Một trăm tám mươi hai tỷ, sáu trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi ngàn đồng Việt Nam*)
- **Trụ sở chính** : Số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hoà II, Biên Hoà, Đồng Nai, Việt nam.
- Điện thoại : (84-61) 836 361 ~ 836 364
- Fax : (84-61) 836 388
- Email : tayadnco@vnn.vn
- **Chi nhánh Hải Dương** : Km 35, Quốc lộ 5, Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại : (84-320) 775.888 - 775.890 ~ 775.892
- Fax : (84-320) 775.896
- **Giấy phép đầu tư điều chỉnh:**
- **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất các loại dây điện, dây điện từ, cáp điện, dây thông tin, cáp thông tin, động cơ, máy bơm nước và dây đồng trần đơn và xoắn.
- **Tóm tắt quá trình phát triển vốn của Công ty.**

**TÓM TẮT QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VỐN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

STT	SỐ GIẤY PHÉP ĐẦU T-	NGÀY	VỐN PHÁP ĐỊNH (USD)	VỐN ĐẦU T- (USD)	MỤC ĐÍCH ĐẦU T-
1	414/GP	07/09/1992	3.955.000	6.955.000	Đầu t- xây dựng Nhà văn phòng và nhà x-ởng sản xuất dây cáp điện.
2	414/GPĐC1	31/10/1995	6.955.000	12.553.300	Đầu t- x-ởng nung đúc đồng nguyên liệu 1, 2 và x-ởng sản xuất dây điện từ.
3	414/GPĐC3	30/07/1997	8.955.000	14.533.000	
4	414/GPĐC	12/01/1998	8.955.000	14.944.240	
5	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	16/05/2003	13.114.072	21.444.240	Đầu t- xây dựng Nhà máy sản xuất dây cáp điện, dây điện từ tại Hải D-ong.
6	414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	07/05/2004	14.226.023	21.444.240	




2. Cơ cấu tổ chức.

2.1. Giới thiệu về Tập đoàn TAYA.

Tập đoàn Dây và Cáp điện Taya đ-ợc hình thành từ năm 1955, với quá trình 50 năm hoạt động và phát triển không ngừng, đến nay Tập đoàn Dây và Cáp điện Taya đã trở thành một nhóm các doanh nghiệp có tầm cỡ, giữ vị trí quan trọng trong ngành công nghiệp dây và cáp điện tại Đài Loan. Các thành viên trong tập đoàn TAYA gồm:

STT	TÊN	ĐỊA CHỈ
1	<p>CÔNG TY CPHH DÂY & CÁP ĐIỆN ĐẠI Á (TAYA ĐÀI LOAN) TAYA ELECTRIC WIRE & CABLE CO., LTD. (Thành lập năm 1955)</p> <p>Sản xuất: cáp điện các loại, dây điện thoại các loại, dây đồng trần, dây điện từ.</p>	<p>Trụ sở: 249 Chung Shan Rd, Kuan Miao Hsiang, Tainan Hsien, Taiwan, R.O.C. Tel: 06-5953131, Fax: 06-5958190. Chi nhánh: 7F, 149 Wu Kung Rd., Wu Kung Industry Park, Taipei Hsien, Taiwan, R.O.C. Tel: 8862-2997070, Fax: 8862-2997123. Chi nhánh: 2, 33th Rd, Taichung Industrial Estabte, Taichung, Taiwan, R.O.C. Tel: 8864-3501010, Fax: 8864-3500375.</p>

STT	TÊN	ĐỊA CHỈ
2	<p>CÔNG TY CPHH TAHENG TAHENG ELECTRIC WIRE & CABLE CO., LTD. (Thành lập năm 1992)</p>  <p>Sản xuất: cáp vi tính, cáp đồng trục, dây điện ruy-băng, ống nhựa PVC không co giãn do nhiệt.</p>	<p>149 Yi Lin Rd., Jen Der Hsiang, Tainan Hsien, Taiwan, R.O.C. Tel: 06-2793716, Fax: 06-2793479</p>
3	<p>CÔNG TY NHỰA PVC TAYI TAYI PLASTIC CO., LTD. (Thành lập năm 1994)</p>  <p>Sản xuất: Các loại nguyên liệu nhựa trong sản xuất dây cáp điện</p>	<p>15-1 Nan Shing Rd., Yung Kang City, Tainan Hsien, Taiwan, R.O.C Tel: 06-2717052, Fax: 06-2310-1607</p>
4	<p>CÔNG TY CPHH DÂY & CÁP ĐIỆN ĐẠI TRIỂN GREAT CHINA ELECTRIC WIRE & CABLE CO., LTD. (Thành lập năm 1995)</p>  <p>Sản xuất: dây đồng trần 2,6mm, dây đồng trần 0,08mm-0,37mm, các loại dây điện đôi, dây đồng tráng thiếc 0,08mm-0,37mm.</p>	<p><u>Trụ sở:</u> 17/F RM 1703 Kowloon Plaza, 485 Castle Peak Road, Kowloon, Hong Kong. Tel: 852-2785-5603, Fax:852-2310-1607. <u>Nhà máy:</u> Long Yan Industrial Area Humen Dongguan City Guandong China. Tel:(86769)5551156, Fax: (86769) 5553356. <u>Văn phòng:</u> 7F,149 Wu Kung Rd., Wu Kung Industry Park, Taipei Hsien,Taiwan, R.O.C. Tel:8862-299-7080, Fax:8862-299-6914. <u>Nhà máy:</u> 35-2, Fu Yuan Tsuen, Kuan Yin Hsiang, Tao Yuan, Taiwan, R.O.C. Tel: 8863-490-1511, Fax: 8863-490-5547.</p>
5	<p>CÔNG TY CPHH CÔNG TRÌNH ĐIỆN TA HO TAHO ENGINEERING CO., LTD.</p>  <p>Dịch vụ: Cung cấp thiết kế, kết nối, chuyển mạch và bảo trì hoạt động cho đ-ờng điện 69 - 161 kV, t- vấn xây dựng đ-ờng dây và hầm ống chứa cáp.</p>	<p>249 Chung Shan Rd., Kuan Miao Hsiang, Tainan Hsien,Taiwan, R.O.C Tel: 06-5953723, 5953644, 5953131 EXT 390. Fax: 06-5953725</p>
6	<p>CÔNG TY CPHH CHÍNH XÁC TAAN TAAN PRECISION CO., LTD. (Thành lập năm 1991)</p>  <p>Sản xuất: khuôn kéo dây đồng.</p>	<p>32-1,Alley 6, Lane 3 Nan Hsing Rd., Yung Kang City, Tainan Hsien, Taiwan, R.O.C. Tel: 06-2723461, Fax: 06-2730098</p>
7	<p>X- ỜNG SẢN XUẤT DÂY CÁP ĐIỆN TAYA- TR- ỜNG AN (Trung quốc) HENG YA ELECTRIC LIMITED. (Thành lập năm 1992)</p>  <p>Sản xuất: dây dẫn điện, dây điện từ.</p>	<p><u>Trụ sở:</u> 17/F RM 1703 Kowloon Plaza, 485 Castle Peak Road, Kowloon, Hong Kong. Tel: (852)2785-5603, Fax:(852)2310-1607. <u>Nhà máy:</u> Tian Indus area, Hou jie, Dong guan, Guangong 51171, China. Tel: (86769)5587288, 5589427, 5589437. Fax: (86769)5587268.</p>

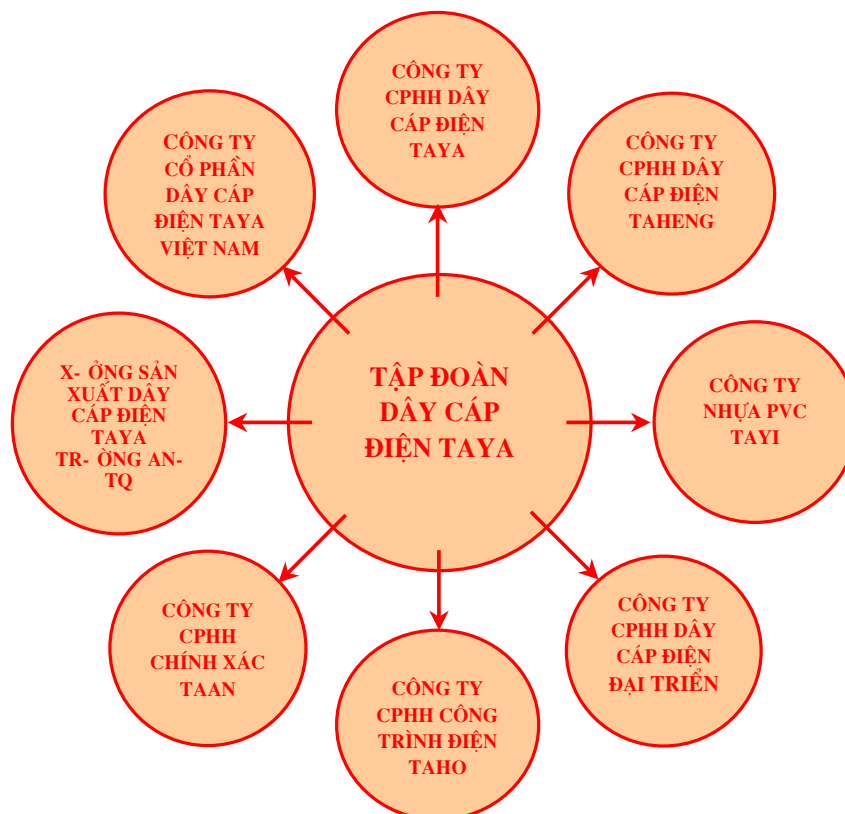
STT	TÊN	ĐỊA CHỈ
8	<p>CÔNG TY DÂY & CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM TAYA (VIETNAM) ELECTRIC WIRE & CABLE CO, LTD. (Thành lập năm 1994)</p>  <p>Sản xuất: cáp điện, dây điện, dây điện từ.</p>	<p><u>Văn phòng L/L</u>: 10 Tu Xuong, District 3-HCM City. VN. Tel: 08-8291703, Fax: 08-8230022. <u>Trụ sở, nhà máy</u>: 1, No 1A Rd, Bien Hoa II Industrial Zone, Dong Nai Province, Vietnam. Tel: 061-836361 ~ 4, Fax: 061- 836388. <u>Chi nhánh</u>: Km 35, Cam dien ward, Cam giang Dist, Hai Duong province. Tel: 0320-775888-775890, Fax: 0320- 775896.</p>

2.2. Cơ cấu của Công ty trong tập đoàn TAYA.

Thực hiện hướng ứng “chính sách phía nam” của Chính phủ Đà Loan, sau khi khảo sát và đánh giá cẩn thận, tập đoàn Taya đã lựa chọn Việt Nam để đầu t-. Taya Việt Nam đ- ọc hình thành nh- là cứ điểm thứ 2 sau Trung quốc để tập đoàn Taya phát triển phạm vi hoạt động và đóng góp vào sự phát triển chung của Việt Nam cũng nh- của Tập đoàn Taya.

Taya Việt Nam là thành viên bình đẳng trong tập đoàn, là một bộ phận quan trọng của tập đoàn Taya trong chiến l- ọc phát triển thị tr- ờng tại khu vực Đông nam á, Trung quốc. Taya Việt Nam đ- ọc sử dụng th- ơng hiệu TAYA cho các sản phẩm của mình, chịu sự chi phối của Tập đoàn Taya về chiến l- ọc phát triển và nhận sự hỗ trợ của về vốn, kỹ thuật sản xuất, đào tạo nhân sự, lựa chọn nguồn nguyên liệu, trang bị máy móc thiết bị v.v...Taya Việt Nam đang phát triển một cách vững chắc, là thành viên có tốc độ tăng tr- ởng doanh thu cao nhất của Tập đoàn trong những năm gần đây. Hiện nay, Taya Việt nam đang đóng góp khoảng 20% lợi nhuận của cả tập đoàn.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TAYA VIỆT NAM TRONG TẬP ĐOÀN TAYA.



2.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam đ- ợc tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp đã đ- ợc Quốc hội n- ớc Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá X kỳ họp thứ V thông qua ngày 12/06/1999 và Nghị định 38/2003/NĐ-CP ngày 15/04/2003 của Chính phủ về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu t- n- ớc ngoài sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty đ- ợc Đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty nh- sau: *(Xem thêm sơ đồ).*

Nhà máy Đồng Nai: Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía nam, có văn phòng làm việc của Tổng giám đốc và các Ban chuyên trách gồm: Ban kinh doanh tiếp thị, Ban x- ớng vụ, Ban hành chính quản trị.

Địa chỉ : Số 1, đ- ờng 1A, Khu công nghiệp Biên hoà II, Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại : (84-61) 836 361~ 836 364

Fax : (84-61) 836 388

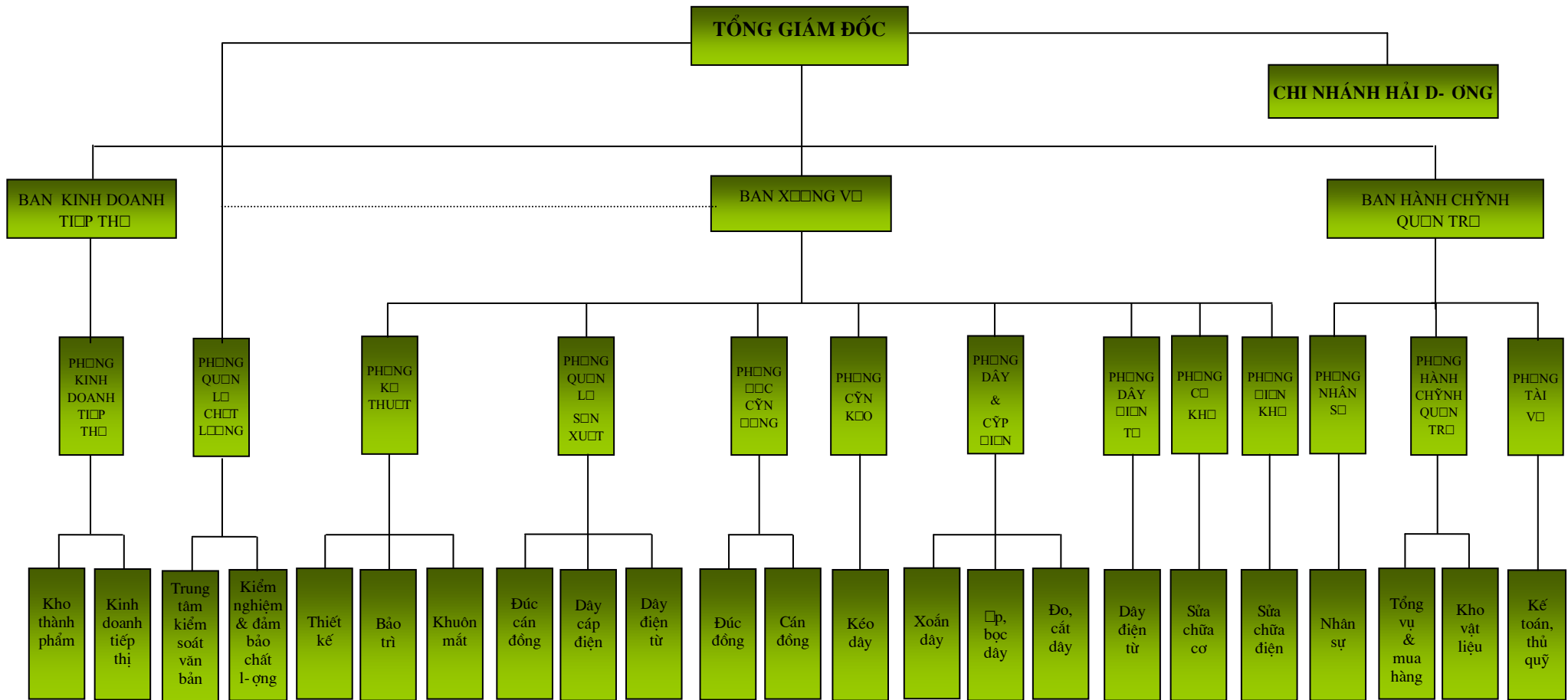
Chi nhánh Hải D- ơng: Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị tr- ờng từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải D- ơng có cơ cấu tổ chức bộ máy t- ơng tự nh- tại Nhà máy ở Đồng Nai, trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại nhà máy. Đứng đầu Chi nhánh là Phó tổng giám đốc Taya Việt Nam.

Địa chỉ : Km 35 Quốc Lộ 05 Xã Cẩm □iền, Huyện Cẩm Giàng, Hải D- ơng.

Điện thoại : (84- 320) **775 888-775 890~775892**

Fax : (84- 320) 775 896

- **Các ban chuyên trách:** là những ban trực tiếp điều hành công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó tổng Giám đốc (đối với Chi nhánh Hải d- ơng). Cơ cấu tổ chức của Taya Việt Nam có các ban chức năng đ- ợc thiết lập gồm: ban kinh doanh tiếp thị, ban x- ớng vụ, ban hành chánh quản trị. Chức năng nhiệm vụ của ban đ- ợc quy định nh- sau:
- **Ban Hành chính quản trị:** có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, l- ơng và các chính sách cho ng- ời lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu.
- **Ban Kinh doanh tiếp thị:** có chức năng trong việc xác định mục tiêu, ph- ơng h- ớng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị tr- ờng, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đ- a ra các giải pháp hỗ trợ và thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm.
- **Ban x- ớng vụ:** có chức năng trong việc điều độ sản xuất và bảo đảm chất l- ợng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu, thực hiện các công việc kiểm tra chất l- ợng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.



SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.

Công ty Cổ phần Dây và cáp điện Taya Việt Nam có bộ máy quản lý tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần bao gồm:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- **Ban Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc là ng-ời điều hành và quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm tr-ớc Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ đ-ợc giao. Phó tổng Giám đốc phụ trách Chi nhánh là ng-ời giúp việc cho Tổng Giám đốc phụ trách tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Chi nhánh và chịu trách nhiệm tr-ớc Tổng Giám đốc về phần việc đ-ợc phân công, chủ động giải quyết những công việc đã đ-ợc Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà n-ớc và Điều lệ của Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ (VND)	TỶ LỆ (%)
01	CÔNG TY CPHH DÂY & CÁP ĐIỆN TAYA (TAYA ELECTRIC WIRE & CABLE CO., LTD)	Số 249 - Đ-ờng Trung Sơn, đoạn II, thôn Quan Miếu, xã Quan Miếu, huyện Đài Nam, Đài Loan. (249 Chung Shan Rd, Kuan Miao Hsiang, Tainan Hsien, Taiwan, R.O.C).	10.960.622	109.606.220.000	60,0
02	CÔNG TY CPHH DÂY & CÁP ĐIỆN ĐẠI TRIỂN (GREAT CHINA ELECTRIC WIRE & CABLE CO., LTD)	35-2, C-óc Khổ Luyện, thôn Phú Nguyên, xã Quan Âm, huyện Đào Nguyên, Đài Loan. (35-2, Fu Yuan Tsuen, Kuan Yin Hsiang, Tao Yuan, Taiwan, R.O.C).	3.653.525	36.535.250.000	20,0
TỔNG CỘNG			14.614.147	146.141.470.000	80,0

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ (VND)	TỶ LỆ (%)
01	CÔNG TY CPHH DÂY & CÁP ĐIỆN TAYA (TAYA ELECTRIC WIRE & CABLE CO., LTD)	Số 249 - Đ-ờng Trung Sơn, đoạn II, thôn Quan Miếu, xã Quan Miếu, huyện Đài Nam, Đài Loan. (249 Chung Shan Rd, Kuan Miao Hsiang, Tainan Hsien, Taiwan, R.O.C).	10.960.622	109.606.220.000	60,0
02	CÔNG TY CPHH DÂY & CÁP ĐIỆN ĐẠI TRIỂN (GREAT CHINA ELECTRIC WIRE & CABLE CO., LTD)	35-2, C-óc Khổ Luyện, thôn Phú Nguyên, xã Quan Âm, huyện Đào Nguyên, Đài Loan. (35-2, Fu Yuan Tsuen, Kuan Yin Hsiang, Tao Yuan, Taiwan, R.O.C).	3.653.525	36.535.250.000	20,0
TỔNG CỘNG			14.614.147	146.141.470.000	80,0

Căn cứ theo Điều 10 và Điều 15 Nghị định 38/2003/NĐ-CP ngày 15/04/2003 của Chính phủ về chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu t- n- ớc ngoài thành Công ty cổ phần quy định “Trong quá trình hoạt động, các cổ đông sáng lập nước ngoài được phép chuyển nh- ợng cổ phần cho tổ chức, cá nhân n- ớc ngoài. Việc chuyển nh- ợng cổ phần do cổ đông sáng lập n- ớc ngoài nắm giữ cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam phải đ- ợc Bộ Kế hoạch và Đầu t- chuẩn y và phải đảm bảo quy định tổng giá trị cổ phần do cổ đông sáng lập n- ớc ngoài nắm giữ phải bảo đảm ít nhất bằng 30% vốn điều lệ trong suốt quá trình hoạt động của công ty”.

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết.

- Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Taya Việt Nam.

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ
01	CÔNG TY CPHH DÂY & CÁP ĐIỆN TAYA (TAYA ELECTRIC WIRE & CABLE CO., LTD)	Số 249 - Đ-ờng Trung Sơn, đoạn II, thôn Quan Miếu, xã Quan Miếu, huyện Đài Nam, Đài Loan. (249 Chung Shan Rd, Kuan Miao Hsiang, Tainan Hsien, Taiwan, R.O.C).
02	CÔNG TY CPHH DÂY & CÁP ĐIỆN ĐẠI TRIỂN (GREAT CHINA ELECTRIC WIRE & CABLE CO., LTD)	35-2, C-óc Khổ Luyện, thôn Phú Nguyên, xã Quan Âm, huyện Đào Nguyên, Đài Loan. (35-2, Fu Yuan Tsuen, Kuan Yin Hsiang, Tao Yuan, Taiwan, R.O.C).

- Danh sách những Công ty mà Taya Việt Nam nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: ch- a có

6. Hoạt động kinh doanh.

Các nhóm sản phẩm chính của Công ty gồm:

- Các loại dây và cáp điện: dây và cáp điện hạ thế 600-1000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây dùng trong ô tô.
- Các loại dây điện từ: dây điện từ PEW (dây tráng men PE), dây điện từ UEW (dây tráng men UE).

MỘT SỐ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



Cáp cách điện và vỏ bọc PVC, có băng bảo vệ. Điện áp từ 0,6 KV-1KV.



Cáp cách điện XLPE và vỏ bọc PVC. Điện áp từ 0,6KV- 1KV.



0,6KV - 1KV.

Cáp cách điện XLPE, vỏ bọc PVC, có băng bảo vệ. Điện áp từ



0,6KV - 1KV.

Cáp cách điện XLPE, vỏ bọc PVC, có băng bảo vệ. Điện áp từ



Cáp đẹt cách điện và vỏ bọc PVC. Điện áp 600 V.



Cáp điều khiển



Cáp đồng bọc PVC các loại. Điện áp từ 0,6KV-1KV



Dây điện bọc PVC



Dây điện từ PEW.



Dây điện từ UEW.

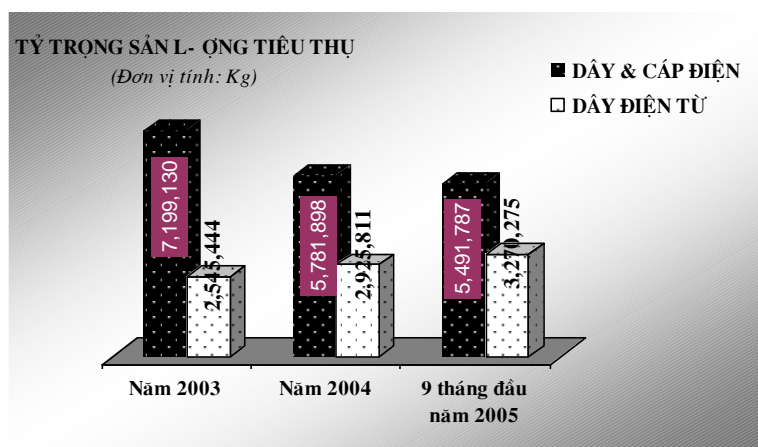
Công ty luôn tuân thủ pháp luật Việt Nam, ph-ong châm hoạt động của Công ty là “ Tốt rồi lại tốt hơn”, “ Cùng tồn tại và cùng phát triển”, với sự nỗ lực của toàn thể lãnh đạo và nhân viên h-ớng về mục tiêu chung, Công ty Taya Việt nam nhất định sẽ đạt đ-ợc những kết quả nh- mong đợi.

6.1. Sản l- ợng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm.

a. Sản l- ợng sản phẩm qua các năm.

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2003		Năm 2004		9 tháng đầu năm 2005	
		Sản l- ợng	Tỷ lệ	Sản l- ợng	Tỷ lệ	Sản l- ợng	Tỷ lệ
Dây & cáp điện	Kg	7.199.130	73,88%	5.781.898	66,40%	5.491.787	62,70%
Dây điện từ	Kg	2.545.444	26,12%	2.925.811	33,60%	3.270.275	37,30%
Tổng cộng	Kg	9.744.574	100,00%	8.707.709	100,00%	8.762.061	100,00%

Nguồn: Taya Việt Nam

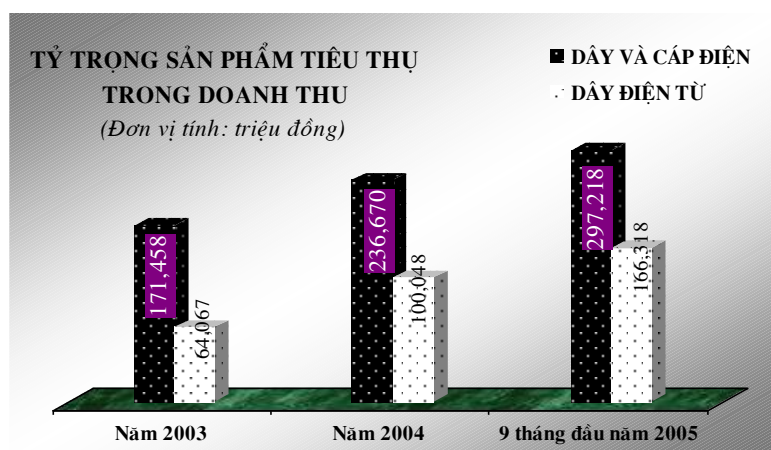


b. Doanh thu sản phẩm, dịch vụ qua các năm.

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Năm 2003		Năm 2004		9 tháng đầu năm 2005	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dây và cáp điện	236.670.051.917	70,29%	297.217.824.962	64,10%	336.560.280.933	62,10%
Dây điện từ	100.047.938.837	29,71%	166.318.311.694	35,90%	205.401.070.068	37,90%
Tổng doanh thu	336.717.990.754	100,00%	463.536.136.656	100,00%	541.961.351.001	100,00%

Nguồn: Taya Việt Nam



6.2. Nguyên vật liệu.

a. Nguồn nguyên vật liệu.

Nguồn nguyên liệu chính đ-ợc Công ty sử dụng là: đồng tấm cathod, hạt nhựa (PVC, XLPE...), sơn vecni cách điện và các nguyên liệu phụ khác nh- : trục gỗ, cốt vít .v.v. .

- Nguyên liệu đồng: Đồng tấm cathod 99,99% đ-ợc đ-a vào nấu chảy, đúc, cán, kéo để cho ra dây đồng \varnothing 8mm sử dụng làm bán thành phẩm phục vụ cho sản xuất dây và cáp điện các loại. Nguyên liệu đồng tấm cathod chủ yếu đ-ợc nhập từ các n-ớc nh- : Nam phi, Indonesia, □c, Đài Loan.
- Nguyên liệu hạt nhựa: hạt nhựa các loại đ-ợc đ-a vào nung chảy, ép, và bọc cách điện dây và cáp đồng. Hạt nhựa PVC đ-ợc nhập từ các n-ớc: Đài Loan, Hồng Kông, và các doanh nghiệp liên doanh trong n-ớc. Hạt nhựa XLPE đ-ợc nhập từ các n-ớc: Malaysia, Korea, Taiwan, Hồng Kông.
- Nguyên vật liệu khác: Các loại nguyên liệu sơn vecni dùng sơn phủ cách điện dây điện từ đ-ợc nhập từ các n-ớc: Đài Loan, Cộng hoà liên bang Đức.
- Đối với các loại nguyên liệu, vật liệu phụ nh- : trục gỗ, cốt vít... đ-ợc mua từ các Công ty sản xuất trong n-ớc do các Công ty liên doanh hoặc các Công ty 100% vốn n-ớc ngoài hoạt động tại Việt Nam sản xuất.
- Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu cho Công ty.

STT	NGUYÊN LIỆU	NHÀ CUNG CẤP
1	Đồng tấm	Công ty OLYDA (Australia) Công ty GRESIK (Indonesia)
2	Hạt nhựa PVC	Công ty ARKEMA Công ty nhựa Việt Thái
3	XLPE	Công ty SONYI (Hồng Kông)
4	Sơn vecni cách điện	Công ty FUFÃO (Đài Loan) Công ty DUPON (CHLB Đức)

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu.

Nhìn chung, nguồn cung cấp cho Công ty khá ổn định về l-ợng, do đồng tấm cathod, hạt nhựa các loại, sơn cách điện... là những sản phẩm đ-ợc giao dịch thông dụng trên thị tr-ờng thế giới. Giá đồng đ-ợc niêm yết và giao dịch hàng ngày trên thị tr-ờng kim loại Luân Đôn (LME).

Các loại hạt nhựa là những sản phẩm đ- ợc tổng hợp từ dầu hoả cũng đ- ợc nhiều nhà sản xuất cung cấp bản chào giá liên tục.

Các nhà cung cấp nguyên liệu đ- ợc Công ty chọn lựa thông qua quá trình kiểm tra nghiêm ngặt về chất l- ợng của các loại nguyên liệu trên hàng mẫu, đánh giá liên tục khả năng cung ứng hàng hoá về số l- ợng về thời hạn về định kỳ giao hàng tr- ớc trong và sau quá trình thực hiện cung ứng. Đây là yếu tố khởi đầu giúp Công ty khống chế hoàn toàn chất l- ợng sản phẩm và chủ động trong việc sản xuất.

Việc nhập khẩu nguyên liệu đồng tấm đ- ợc Công ty thực hiện thông qua Công ty Taya Đài Loan, thời điểm chốt giá căn cứ theo giá trên thị tr- ờng kim loại Luân Đôn. Sử dụng hình thức này, Công ty có những thuận lợi hơn so với việc nhập khẩu trực tiếp nguyên liệu từ nhà cung cấp do:

- Taya Đài Loan là công ty lớn, có nhiều uy tín với các nhà cung cấp, nên các điều kiện - u đãi trong bán hàng đặc biệt là về giá cả và thời hạn thanh toán sẽ tốt hơn so với việc Taya Việt Nam trực tiếp nhập khẩu.
- Taya Đài Loan có hệ thống kiểm tra chất l- ợng nguyên vật liệu đầu vào rất nghiêm ngặt. Do vậy, sẽ làm gia tăng mức độ chính xác và rút ngắn thời gian xác định chiến l- ợc giá cả mua hàng, giúp ổn định chất l- ợng sản phẩm.
- Taya Đài Loan có nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu để dự trữ cho hoạt động sản xuất kinh doanh rất lớn. Điều này hỗ trợ Taya Việt Nam ổn định giá nguyên vật liệu đầu vào trong tr- ờng hợp biến động giá cả nguyên vật liệu trên thị tr- ờng thế giới và qua đó ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối với nguyên liệu vật liệu phụ mua trong n- ớc, nguồn cung cấp t- ơng đối dồi dào và giá cả giữa các đơn vị cung cấp t- ơng đối cạnh tranh, dễ dàng chọn lựa.

c. Ảnh h- ớng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận.

Nguyên liệu đồng chiếm tỷ trọng khoảng 80% trong cơ cấu giá thành các loại sản phẩm dây và cáp điện do Công ty sản xuất. Chính vì vậy, sự tăng hoặc giảm giá của nguyên liệu đồng ảnh h- ớng rất lớn đến lợi nhuận của Công ty trong ngắn hạn, do giá bán sản phẩm không thể thay đổi đồng thời theo giá nguyên liệu. Về lâu dài, giá bán sẽ đ- ợc điều chỉnh phù hợp với thực tế gia tăng giá cả của các loại nguyên liệu.

Trong những năm gần đây giá đồng nguyên liệu trên thế giới liên tục gia tăng^(*) do sự gia tăng

^(*) Vào tháng giêng năm 2005 giá đồng cathod loại A giao ngay ở thị tr- ờng kim loại London đạt 3.200USD/tấn, v- ợt hơn mức cao nhất năm 1995 (3.012USD/tấn).

nhu cầu sử dụng của Trung quốc và Mỹ, trong khi đó số lượng tồn kho lại có xu hướng giảm. Theo dự đoán của các chuyên gia, nhu cầu tiêu thụ sẽ còn tăng trong vài năm kế tiếp cộng với sự suy yếu của đồng đôla Mỹ sẽ tác động làm cho giá đồng nguyên liệu tiếp tục nhích thêm lên.

Hạt nhựa chiếm khoảng 8% trong cơ cấu giá thành sản phẩm của Công ty. Sự biến động giá của loại nguyên liệu này cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty tuy nhiên mức độ ảnh hưởng không lớn. Trong những năm gần đây, giá dầu thô trên thế giới đang tăng và duy trì ở mức cao, sự gia tăng giá dầu thô đã tác động đến sự tăng giá của các loại nguyên liệu nhựa tổng hợp và dự báo giá này sẽ còn tiếp tục nhích lên vào năm 2005^(**) và duy trì ở mức cao vào các năm kế tiếp.

Do được sự hỗ trợ của Taya Đài Loan nên Taya Việt Nam có nhiều giải pháp lựa chọn để điều tiết tốt nguyên liệu, giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng từ sự biến động giá của thị trường nguyên liệu trên thế giới, hạn chế những thiệt hại phát sinh tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, do hệ thống sản xuất và tiêu thụ của Công ty vận hành ổn định và phối hợp tốt nên khả năng dự báo nhu cầu và thời điểm sử dụng nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh khá chính xác nên trong những năm vừa qua lượng nguyên vật liệu tồn kho của Công ty rất hợp lý.

6.3. Chi phí sản xuất.

Nhìn chung, chi phí sản xuất của Công ty ở mức có khả năng cạnh tranh tốt với các đối thủ trong cùng lĩnh vực. Với hệ thống liên tục khép kín 100% từ khâu nguyên liệu đầu vào cho đến sản xuất ra sản phẩm, tạo thuận lợi cho Công ty trong kiểm soát chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

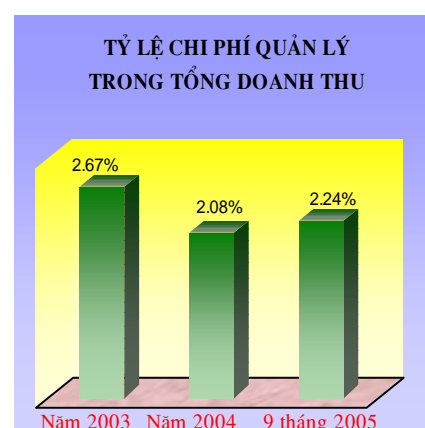
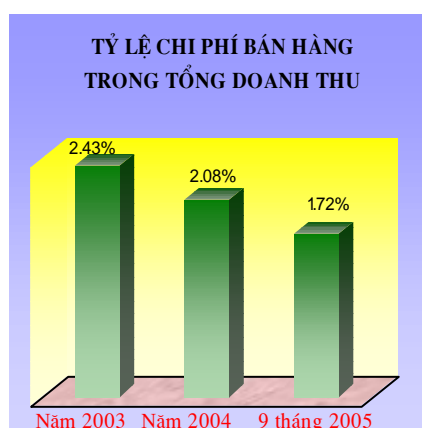
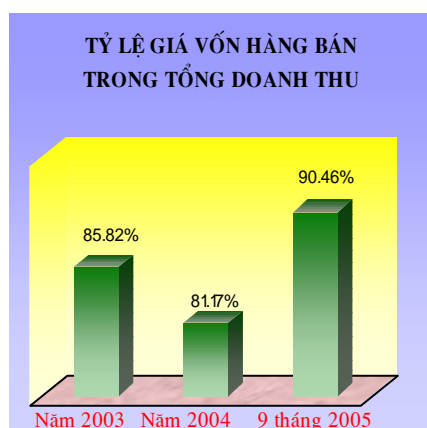
Công ty thực hiện kiểm soát các chi phí bằng việc kiểm soát quá trình sản xuất. Quy trình sản xuất của Taya Việt Nam được thiết lập cụ thể, chặt chẽ và đồng bộ, bảo đảm thực hiện công việc đúng ở mọi khâu ngay từ ban đầu để ngăn ngừa và phát hiện các sai sót, hỏng. Công ty cũng liên tục điều chỉnh, cải tiến các hoạt động để phù hợp hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường, giảm thiểu hơn nữa các chi phí tiêu hao trong sản xuất.

Các yếu tố chính trong cơ cấu chi phí của Công ty được thể hiện ở bảng sau:

^(**) Theo nguồn Modern plastic (02/2005): Thị trường nhựa tổng hợp trên thế giới - Nhu cầu tăng, đầu tư - năng lực sản xuất thấp, và sự thu hẹp các nhà cung cấp dẫn đến sự thiếu hụt trên thị trường làm gia tăng giá các loại nhựa tổng hợp. Các chuyên gia về Công nghiệp dự báo giá các loại nhựa tổng hợp sẽ lên đến đỉnh vào khoảng năm 2005 - 2006 và duy trì ở mức này khoảng 03 năm tiếp theo. Cũng theo nguồn này: Môi trường kinh tế thế giới tiếp tục cải thiện sẽ kích thích nhu cầu tiêu thụ nhựa PVC trên thế giới tăng 4,2% trong năm 2005.

STT	YẾU TỐ CHI PHÍ	NĂM 2003		NĂM 2004		9 THÁNG ĐẦU NĂM 2005	
		Giá trị (1.000 VNĐ)	% D.Thu	Giá trị (1.000 VNĐ)	% D.Thu	Giá trị (1.000 VNĐ)	% D.Thu
1	Giá vốn hàng bán	288.959.665	85,82%	376.232.968	81,17%	490.236.977	90,46%
2	Chi phí bán hàng	8.192.700	2,43%	9.619.401	2,08%	9.319.811	1,72%
3	Chi phí QLDN	8.987.166	2,67%	9.663.539	2,08%	12.119.030	2,24%
TỔNG		306.139.531	90,92%	395.515.908	85,33%	511.675.818	94,41%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán



6.4. Trình độ công nghệ.

a. Trình độ công nghệ của Taya Việt Nam.

Công ty Taya Việt Nam có trình độ công nghệ, kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng nghiêm ngặt dựa trên nền tảng kế thừa công nghệ, kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng của Taya Đài Loan.

Với kinh nghiệm trên 50 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất dây và cáp điện, Tập đoàn Taya có đủ năng lực, trình độ và kinh nghiệm để sản xuất các loại dây và cáp điện đạt chất lượng cao phù hợp các tiêu chuẩn quốc tế phục vụ trong nhiều lĩnh vực nh- : điện, điện tử viễn thông, công nghiệp ô tô, mô tô .v.v... Về cáp điện, Tập đoàn Taya có khả năng sản xuất các loại cáp điện sử dụng truyền tải cho các điện áp từ hạ thế 100V đến siêu cao áp 345KV. Về dây điện từ, có khả năng sản xuất các loại dây điện với kích thước từ $\varnothing 0,03 \text{ mm}^{(*)}$ trở lên. Về dây điện, tập đoàn Taya có khả năng sản xuất các loại dây điện mềm dùng trong ô tô, cáp quang các loại, dây và phích cắm phục vụ trong điện xây dựng, điện tiêu dùng.v.v... Tập đoàn Taya còn có khả năng thiết kế, thi công và bảo trì các mạng cáp cao áp, cung cấp các loại dây đồng trần nguyên liệu, khả năng sản xuất nguyên liệu nhựa dùng cho sản xuất dây và cáp, các khuôn mắt kéo dây đồng.

(*) Kích thước của sợi tóc là 0,08 mm, kích thước dây điện từ nhỏ nhất mà trên thế giới có thể sản xuất là 0,018 mm

Bằng kinh nghiệm và trình độ sản xuất đ-ợc đúc kết nh- đã nêu, công nghệ sản xuất của Taya Việt Nam đ-ợc thiết lập theo h-ớng hiện đại so với trong n-ớc và khu vực. Các máy móc thiết bị của Taya Việt Nam đ-ợc trang bị mới 100%, đạt đ-ợc sự tối - u về giá thành và chất l-ợng sản phẩm do đ-ợc phối hợp từ nhiều nguồn gốc sản xuất khác nhau: Đài Loan, Trung Quốc, Italy... nhằm tận dụng những đặc tính - u việt của mỗi trang thiết bị để tạo nên hệ thống máy móc sản xuất có sự kết nối đồng bộ và đảm bảo sản phẩm đạt chất l-ợng cao, giá thành hạ, năng lực cạnh tranh tốt so với hàng ngoại nhập.

b. Một số máy móc thiết bị chính của Công ty Taya Việt Nam (tại thời điểm 31/12/2004):

Tên tài sản	SL	ĐV	Ngày đ- a vào SD	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
NHÀ MÁY TẠI KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HOÀ II, ĐỒNG NAI							
MÁY MÓC THIẾT BỊ							
Mắt CK lớn WD101 2.0~3.4mm	1	Cái	01/04/1995	7	466.400.000	466.400.000	-
Máy thu dây	1	Cái	01/04/1995	7	106.000.000	106.000.000	-
Mắt CK lớn WD102 2.0~3.4mm	1	Cái	01/04/1995	7	466.400.000	466.400.000	-
Máy thu dây	1	Cái	01/04/1995	7	106.000.000	106.000.000	-
Máy cán kéo trung WD203 0.45~0.85mm	1	Cái	01/04/1995	7	106.000.000	106.000.000	-
Máy cán kéo trung WD202 0.80~1.80mm	1	Cái	01/04/1995	7	106.000.000	106.000.000	-
Máy nối dây nhiệt điện (8m/m)	1	Cái	01/04/1995	7	127.200.000	127.200.000	-
Lò nung áp suất 1,000K 22KW	1	Bộ	01/04/1995	7	254.400.000	254.400.000	-
Lò nung (máy CK trung)(WD203)	1	Bộ	02/11/1995	7	541.598.371	541.598.371	-
Lò nung (máy CK trung)(WD202)	1	Bộ	02/11/1995	7	541.598.370	541.598.370	-
Máy xoắn dây SD61B 40KW	1	Cái	01/04/1995	7	669.920.000	669.920.000	-
Máy xoắn dây SD1000-1	1	Cái	01/04/1995	7	911.600.000	911.600.000	-
Máy xoắn dây SD600	1	Cái	01/04/1995	7	148.400.000	148.400.000	-
Giàn thu dây 32	8	Bộ	01/04/1995	7	369.388.800	369.388.800	-
Máy xoắn dây SD7B-1	1	Bộ	03/09/1995	7	745.358.065	745.358.065	-
Máy xoắn dây SD7B-2	1	Bộ	03/09/1995	7	745.358.065	745.358.065	-
Máy xoắn dây SD4B 75HP 55KW	1	Bộ	10/01/1996	7	1.748.475.992	1.748.475.992	-
Máy ép bọc ED50 10HP	1	Cái	01/04/1995	7	254.400.000	254.400.000	-
Máy đo dây tự động	1	Cái	01/04/1995	7	106.000.000	106.000.000	-
Máy ép bọc ED60-1 15HP	1	Cái	01/04/1995	7	296.800.000	296.800.000	-
Máy đo dây tự động	1	Cái	01/04/1995	7	106.000.000	106.000.000	-
Máy ép bọc ED65 25HP	1	Cái	01/04/1995	7	318.000.000	318.000.000	-
Máy ép bọc ED70-1 20HP	1	Cái	01/04/1995	7	551.200.000	551.200.000	-
Máy đo dây tự động	1	Cái	01/04/1995	7	106.000.000	106.000.000	-
Máy ép bọc ED80 50HP	1	Cái	01/04/1995	7	678.400.000	678.400.000	-
Máy ép bọc ED90-1 60HP	1	Cái	01/04/1995	7	763.200.000	763.200.000	-
Máy tạo hạt 120mm 60HP	1	Cái	01/04/1995	7	339.200.000	339.200.000	-
Máy tạo hạt 100mm 50HP	1	Cái	01/04/1995	7	212.000.000	212.000.000	-
Máy trộn 500L	1	Cái	01/04/1995	7	169.600.000	169.600.000	-
Máy ép bọc ED120 100HP	1	Cái	16/10/1995	7	932.744.755	932.744.755	-
Máy dẫn 1500kg	1	Cái	23/11/1996	7	315.099.800	315.099.800	-
Máy dẫn 1000kg	1	Cái	23/11/1996	7	265.347.200	265.347.200	-
Kệ xoắn	1	Cái	23/11/1996	7	144.927.400	144.927.400	-
Máy quấn dây 2600m/m	1	Cái	23/11/1996	7	237.707.200	237.707.200	-
Máy đo dây tự động 600m/m	1	Cái	23/11/1996	7	331.811.700	331.811.700	-
Máy ép bọc và linh kiện 120mm	1	Cái	29/04/1997	6	314.560.588	314.560.588	-
Máy phát điện 300KW PD-101	1	Cái	01/04/1995	7	424.000.000	424.000.000	-
Bồn n- ớc giải nhiệt	5	Cái	01/04/1995	7	185.584.800	185.584.800	-

Tên tài sản	SL	ĐV	Ngày d- a vào SD	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Máy phát điện 300KW PD-102	1	Cái	01/04/1995	7	424.000.000	424.000.000	-
Máy dây điện từ 3HP	1	Cái	01/04/1995	7	1.400.807.000	1.400.807.000	-
Lò nung(máy CK lớn)(WD101)2.0-3.0mm	1	Bộ	31/12/1997	7	719.195.700	719.195.700	-
Máy quấn dây 630mm (WD101)	1	Cái	31/12/1997	7	214.105.400	214.105.400	-
Máy cán kéo trung WD201 0.4~1.80mm	1	Cái	30/06/2000	7	523.745.735	336.695.400	187.050.335
Máy cán kéo nhỏ WD305 0.08~0.32mm	1	Cái	28/09/2000	7	349.713.867	216.491.600	133.222.267
Máy cán kéo nhỏ WD307 0.10~0.40mm	1	Cái	28/09/2000	7	349.713.867	216.491.600	133.222.267
Máy cán kéo nhỏ WD306 0.08~0.25mm	1	Cái	30/04/2001	7	309.717.917	162.232.400	147.485.517
Máy cán kéo nhỏ WD308 0.08~0.25mm	1	Cái	30/04/2001	7	309.717.916	162.232.400	147.485.516
Máy cán kéo nhỏ WD401 0.16~0.32mm	1	Cái	26/07/2001	7	627.223.149	306.142.900	321.080.249
Máy cán kéo lớn	1	Bộ	15/04/2002	7	5.142.757.905	2.020.368.900	3.122.389.005
Máy cán kéo trung WD206	1	Bộ	15/04/2002	7	1.518.199.206	596.435.400	921.763.806
Máy cán kéo nhỏ WD301~WD304	4	Bộ	15/04/2002	7	1.001.975.547	393.633.900	608.341.647
Máy nén khí+Bình+Máy sấy khô 50 HP AC5	1	Cái	27/08/2002	7	200.757.500	66.920.000	133.837.500
Máy cán kéo nhỏ WD311 0.2~0.4mm	1	Bộ	30/12/2002	7	214.128.275	61.178.400	152.949.875
Máy cán kéo nhỏ WD312~WD314 0.1mm~0.3mm	3	Bộ	30/12/2002	7	618.079.118	176.594.400	441.484.718
Máy cán kéo trung WD204	1	Bộ	31/10/2003	7	1.409.269.762	234.878.000	1.174.391.762
Máy cán kéo WD317 0.15~0.32mm	1	Cái	31/12/2003	7	173.969.489	24.853.200	149.116.289
Máy xoắn dây SD54B 210KW	1	Bộ	31/12/1997	7	8.359.645.973	8.359.645.973	-
Máy xoắn dây SD610-1	1	Bộ	31/03/2001	7	215.530.963	115.465.500	100.065.463
Máy xoắn dây SD610-2	1	Bộ	31/03/2001	7	215.530.963	115.465.500	100.065.463
Máy xoắn dây cao tốc SD650-1 SD650-2	2	Bộ	15/07/2003	7	781.649.800	167.497.200	614.152.600
GS_1000 Máy xoắn dây đơn kiểu SD1000-2	1	Bộ	15/07/2003	7	1.662.543.799	356.259.600	1.306.284.199
Máy phun in IMAJE EN7117	1	Cái	25/12/2000	7	243.600.000	142.100.000	101.500.000
Máy nén khí (gồm máy sấy khô) 50HP AC2	1	Bộ	24/09/2001	7	187.081.006	86.860.800	100.220.206
Máy ép bọc ED75	1	Bộ	31/12/2001	7	485.608.158	208.119.600	277.488.558
Máy quấn dây 1200mm	3	Bộ	26/03/2002	7	403.397.537	-	403.397.537
Máy ép bọc ED60-2	1	Bộ	15/07/2003	7	918.551.260	185.896.700	732.654.560
Máy ép bọc ED70-2	1	Bộ	15/07/2003	7	1.392.939.700	281.904.200	1.111.035.500
Máy ép bọc ED90-2	1	Bộ	15/07/2003	7	2.296.831.641	464.834.400	1.831.997.241
Máy thử tia lửa điện (ED60)	1	Bộ	31/07/2003	7	158.305.336	32.038.200	126.267.136
Máy thử tia lửa điện (ED70)	1	Bộ	31/07/2003	7	158.305.337	32.038.200	126.267.137
Máy in phun trắng DOMINO A300	1	Cái	20/08/2003	7	184.809.524	35.201.600	149.607.924
Trục sắt 1.6M	51	Cái	30/08/2003	7	1.829.902.552	348.553.600	1.481.348.952
Trục sắt 2.1M	45	Cái	18/12/2003	7	1.773.720.181	253.388.400	1.520.331.781
Thiết bị máy cuốn dây ED90	1	Bộ	31/07/2004	7	345.577.570	20.570.000	325.007.570
Thiết bị máy cuốn dây ED120	1	Bộ	31/07/2004	7	345.577.570	20.570.000	325.007.570
Máy dây điện từ ND 106	1	Bộ	30/06/2000	7	742.779.212	459.815.200	282.964.012
Máy dây điện từ ND 107	1	Bộ	30/06/2000	7	742.779.212	459.815.200	282.964.012
Máy dây điện từ ND108~ND111	4	Bộ	15/04/2002	7	3.467.858.595	1.362.372.000	2.105.486.595
Máy dây điện từ ND201	1	Bộ	15/04/2002	7	2.501.785.404	982.845.600	1.518.939.804
Máy nén khí 50HP AC6	1	Cái	27/08/2002	7	160.912.500	53.636.800	107.275.700
Pu ly dẫn dây (ND104)	3	Cái	30/09/2002	2	54.877.851	52.917.300	1.960.551
TB xử lý n- ớc mềm	1	Bộ	31/12/2002	7	261.190.868	74.625.600	186.565.268
CT TB xử lý n- ớc mềm	1		31/12/2002	7	201.600.429	57.600.000	144.000.429
Máy đo d- ồng kính bằng tia laser	1	Bộ	29/04/2003	7	108.440.359	25.820.000	82.620.359
Máy dây điện từ ND 101	1	Bộ	31/12/2003	7	466.073.798	66.582.000	399.491.798
Máy dây điện từ ND 103	1	Bộ	31/12/2003	7	393.974.161	56.282.400	337.691.761
Máy dây điện từ ND 105	1	Bộ	31/12/2003	7	486.706.469	69.529.200	417.177.269
Máy nung đồng NO-1 NO-2	2	Bộ	31/07/2001	7	2.190.292.704	1.069.911.400	1.120.381.304
Máy cán đồng NO-1	1	Bộ	31/07/2001	7	1.448.518.080	709.160.600	739.357.480
Máy nung đồng NO-3	1	Bộ	30/09/2002	7	1.350.064.429	433.949.400	916.115.029
Máy cán đồng NO-2	1	Bộ	30/09/2002	7	1.416.829.010	455.409.000	961.420.010

Tên tài sản	SL	ĐV	Ngày đ- a vào SD	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Máy nung đồng NO-4	1	Bộ	31/12/2002	7	1.125.119.530	321.463.200	803.656.330
TB xử lý n- ốc mềm	1	Bộ	31/12/2002	7	261.190.869	74.625.600	186.565.269
CT TB xử lý n- ốc mềm	1		31/12/2002	7	195.728.571	55.922.400	139.806.171
Vỏ bọc lò nung	1	Bộ	29/04/2003	7	159.341.054	37.940.000	121.401.054
Máy dôn ép dây đồng	1	Bộ	28/05/2004	7	134.585.219	11.215.400	123.369.819
Máy cuốn lò 1.6M	2	Cái	25/11/2002	7	481.208.901	143.217.500	337.991.401
THIẾT BỊ ĐỘNG LỰC							
Tableam điện phân x- ống			01/04/1995	7	212.000.000	212.000.000	-
Máy nén khí 50HP AC3	1	Cái	31/12/2001	7	197.403.900	84.600.000	112.803.900
Công trình điện x- ống điện từ	1	Cái	26/03/2002	7	904.323.192	355.271.400	549.051.792
Máy biến áp 1000KVA 220V	1	Cái	31/12/1997	7	329.305.389	329.305.389	-
Máy biến áp 1250KVA 380V	1	Cái	31/12/1997	7	349.508.330	349.508.330	-
Máy phát điện 150KW PD-103	1	Cái	31/03/2001	7	245.101.406	128.387.600	116.713.806
Máy phát điện 150KW PD-104	1	Cái	31/03/2001	7	245.101.407	128.387.600	116.713.807
Đ- ống dây máy biến áp	1		21/07/2001	7	732.821.823	357.688.100	375.133.723
Máy phát điện 565KW PD-201	1	Bộ	31/07/2001	7	934.601.135	456.174.200	478.426.935
Máy phát điện 565KW PD-202	1	Bộ	31/07/2001	7	934.601.136	456.174.200	478.426.936
Tủ điện đôi	1	Bộ	31/07/2001	7	279.342.756	136.345.500	142.997.256
Thiết bị máy biến áp :A+B+C+D+E	1	Bộ	29/09/2001	7	1.469.756.996	682.386.900	787.370.096
Thiết lập đ- ống cáp ngầm 24KV	1	Cái	29/09/2001	7	403.939.394	187.543.200	216.396.194
Tủ điện & Vật t- Thiết Bị điện :1~10	1	Bộ	30/11/2001	7	755.748.766	332.889.000	422.859.766
Máy phát điện 280KW PD-203	1	Bộ	30/09/2002	7	425.594.356	136.798.200	288.796.156
Máy phát điện 280KW PD-204	1	Bộ	30/09/2002	7	425.594.355	136.798.200	288.796.155
Tủ điện đôi	1	Bộ	30/09/2002	7	155.010.942	49.825.800	105.185.142
Tủ điện & Vật t- Thiết Bị điện	1	Bộ	31/12/2002	7	2.057.034.695	587.724.000	1.469.310.695
CT điện x- ống nung đồng	1		31/12/2002	7	634.861.355	181.389.600	453.471.755
THIẾT BỊ KIỂM NGHIỆM							
Thiết bị thử dây điện	1		29/04/1997	7	119.640.600	119.640.600	-
Th- ốc đo Pamma	1	Cái	02/10/1997	7	18.498.000	18.498.000	-
Máy thử mài mòn	1	Cái	12/04/2001	7	38.761.222	20.767.500	17.993.722
Máy thử nghiệm độ ma sát	1	Bộ	25/04/2002	7	37.526.724	14.294.400	23.232.324
Máy thử nghiệm độ mềm dẻo	1	Bộ	25/04/2002	7	45.867.053	17.472.000	28.395.053
Máy đánh bóng	1	Bộ	25/04/2002	7	21.890.487	8.339.200	13.551.287
Máy cắt	1	Bộ	25/04/2002	7	44.656.587	17.011.200	27.645.387
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẠI HẢI D- ONG							
MÁY MÓC THIẾT BỊ							
Máy nung đồng	2	Cái	31/12/2004	7	2.952.270.155		2.952.270.155
Trục sắt 305mm , 350mm	440	Cái	18/09/2004	7	2.040.803.744		2.040.803.744
Trục sắt 305mm , 350mm	800	Cái	29/09/2004	7	1.125.248.586		1.125.248.586
Trục sắt 630mm	352	Cái	29/09/2004	7	1.408.233.125		1.408.233.125
Giá thép	60	Cái	27/12/2004	7	140.769.540		140.769.540
Giá đỡ dây	2	Cái	31/12/2004	7	133.472.410		133.472.410
Thiết bị thả dây	2	Cái	31/12/2004	7	118.771.805		118.771.805
Máy dôn ép dây đồng	1	Cái	31/12/2004	7	131.929.564		131.929.564
Máy cán kéo nhỏ B22	4	Cái	31/12/2004	7	677.787.348		677.787.348
Máy cán kéo nhỏ B22	4	Cái	31/12/2004	7	576.435.969		576.435.969
Máy cán kéo nhỏ BD22B-2A	2	Cái	31/12/2004	7	418.074.439		418.074.439
Máy cán kéo nhỏ BT22-2	1	Cái	31/12/2004	7	441.828.669		441.828.669
Máy cán kéo trung	1	Cái	31/12/2004	7	867.029.377		867.029.377
Máy cán kéo trung	1	Cái	31/12/2004	7	1.236.011.742		1.236.011.742
Máy đảo 630	2	Cái	31/12/2004	7	100.876.295		100.876.295
Máy lọc	3	Cái	31/12/2004	7	207.136.881		207.136.881
Máy cán ép (shài)	1	Cái	31/12/2004	7	1.613.423.400		1.613.423.400
Máy CK lớn	1	Cái	31/12/2004	7	5.567.926.406		5.567.926.406
Máy xoắn dây+giàn thả dây	1	Bộ	27/12/2004	7	107.479.355		107.479.355

Tên tài sản	SL	ĐV	Ngày đ- a vào SD	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Máy XD đơn GS-1000	1	Cái	31/12/2004	7	1.664.028.371		1.664.028.371
Máy XD đôi NB-650P	2	Cái	31/12/2004	7	760.698.624		760.698.624
Máy XD SB 125	1	Cái	31/12/2004	7	1.236.144.934		1.236.144.934
Máy XD(56+7B) 1600mm	1	Cái	31/12/2004	7	8.383.220.770		8.383.220.770
Máy XD(1+4B) 630mm	1	Cái	31/12/2004	7	4.163.439.340		4.163.439.340
Máy xoắn dây	4	Cái	31/12/2004	7	362.003.704		362.003.704
Máy ép bọc 60mm	2	Cái	31/12/2004	7	2.598.479.500		2.598.479.500
Máy ép bọc 70mm	2	Cái	31/12/2004	7	3.156.465.661		3.156.465.661
Máy ép bọc 90mm	1	Cái	31/12/2004	7	2.845.900.385		2.845.900.385
Máy ép bọc 120mm	1	Cái	31/12/2004	7	3.353.589.924		3.353.589.924
Máy in phun	2	Cái	31/12/2004	7	356.717.241		356.717.241
Máy dây điện từ AH3	2	Cái	31/12/2004	7	1.985.245.734		1.985.245.734
Máy dây điện từ AH5	1	Cái	31/12/2004	7	990.973.992		990.973.992
Máy dây điện từ AH6	1	Cái	31/12/2004	7	994.187.701		994.187.701
Linh kiện máy DĐT	1	Cái	31/12/2004	7	106.327.127		106.327.127
Máy nén khí DA-100G	2	Cái	31/12/2004	7	108.330.000		108.330.000
Máy nén khí SA 350	4	Cái	31/12/2004	7	612.300.000		612.300.000
THIẾT BỊ ĐỘNG LỰC							
Máy phát điện 800KV	1	Cái	12/12/2004	7	1.087.147.000		1.087.147.000
Máy biến áp	1	Cái		7	3.701.681.008		3.701.681.008
Máy biến áp	1	Cái		7	5.391.945.384		5.391.945.384
THIẾT BỊ KIỂM NGHIỆM							
Máy thử kéo đứt	1	Cái	31/12/2004	7	164.604.508		164.604.508
Máy thử độ mềm	1	Cái	31/12/2004	7	258.223.047		258.223.047
Thiết bị đo độ dày bằng tia lazer	1	Cái	31/12/2004	7	104.654.880		104.654.880
Máy thử lão hoá	1	Cái	31/12/2004	7	176.188.320		176.188.320
Máy thử độ bền 0-15/30 KV	1	Cái	31/12/2004	7	442.403.156		442.403.156

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, ngành nghề mới.

Hiện tại, tình hình sản xuất các loại cáp điện 600V-1000V và dây điện từ của Công ty đã đi vào ổn định. Công ty có kế hoạch nghiên cứu đ- a vào sản xuất các loại cáp điện trung và cao thế từ 15KV trở lên, dây nhôm và cáp quang nhằm đáp ứng nhu cầu của thị tr- ờng trong n- ớc. Là thành viên trong một tập đoàn có kinh nghiệm, trình độ và năng lực sản xuất cao nên Công ty sẽ không phải mất chi phí cho việc nghiên cứu phát triển (R&D) mà sẽ đ- ợc thừa h- ưởng từ những thành quả của Tập đoàn. Việc triển khai phát triển các sản phẩm mới của Công ty sẽ tùy thuộc vào sự phát triển của thị tr- ờng tại Việt Nam.

Chiến l- ợc của Công ty đối với hoạt động nghiên cứu sản phẩm gồm các mục tiêu:

- Cam kết và liên tục cải tiến nâng cao chất l- ợng đối với những sản phẩm hiện tại.
- Thận trọng đ- a ra những sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu và kích th- ớc của thị tr- ờng.

Trên cơ sở chuyển đổi hình thức doanh nghiệp đạt hiệu quả, sẽ mở ra cho Taya Việt Nam kênh huy động vốn tiềm năng từ các nhà đầu t- trong và ngoài n- ớc nhằm mở rộng sản xuất, hiện đại hoá trang thiết bị, cải tiến công nghệ trong t- ơng lai nhằm thúc đẩy sự tăng tr- ờng của Công ty.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

a. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng.

Chất lượng sản phẩm được Công ty đặt lên hàng đầu trong chính sách sản xuất kinh doanh của Công ty. Triết lý chất lượng của Công ty là: “Đảm bảo và không ngừng cải tiến chất lượng để đạt được sản phẩm có chất lượng tối - ưu nhằm thoả mãn nhu cầu của khách hàng”.

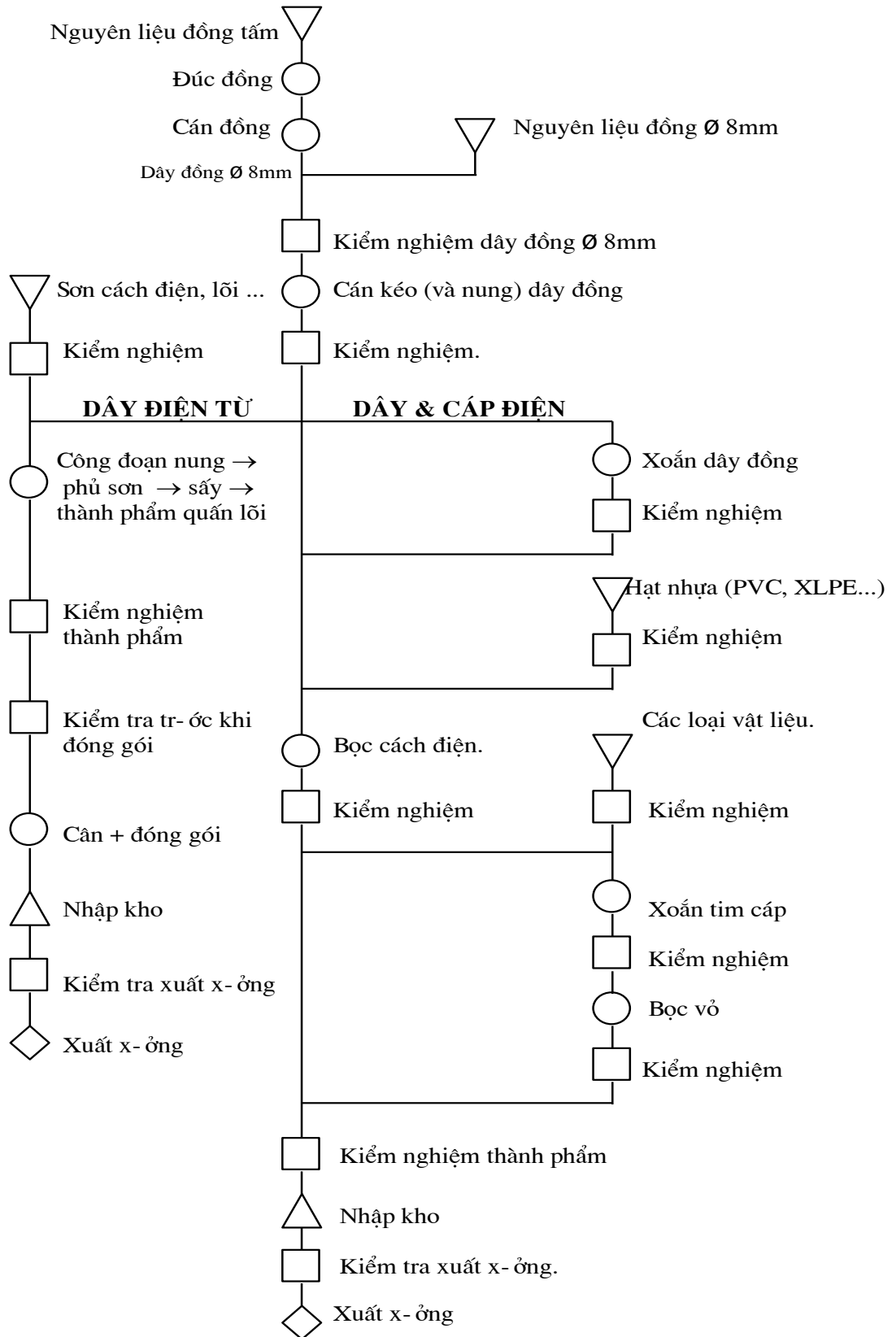
Công ty hiện đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000, chúng nhận hệ thống quản lý và kiểm tra chất lượng này đã được tổ chức BSI của Vương Quốc Anh cấp vào tháng 03 năm 1998. Ngoài ra Công ty cũng là một trong những đơn vị đầu tiên được chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng cho lĩnh vực sản xuất cung ứng Dây và Cáp điện, Dây điện từ phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn: TCVN ISO9001: 2000/ISO 9001: 2000, do Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn (Quacert) thuộc Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp tháng 11/1996.



Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty thống nhất quản lý toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty từ lúc đưa vào vật tư nguyên liệu đến sản xuất ra thành phẩm giao hàng cho khách hàng và bảo hành sản phẩm. Tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm với công việc của mình cũng như được tạo điều kiện để chủ động tham gia vào các hoạt động cải tiến và đóng góp vào nâng cao chất lượng sản phẩm, thoả mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng sử dụng.

b. Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm (Xem sơ đồ trang sau).

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM



c. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty.

Công ty thiết lập Phòng quản lý chất lượng để điều hành việc quản lý chất lượng trong toàn bộ hệ thống sản xuất của mỗi nhà máy. Phòng quản lý chất lượng, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc và sự điều hành của Ban x-ởng vụ. Phòng quản lý chất lượng điều hành Trung tâm kiểm nghiệm & đảm bảo chất lượng và Trung tâm kiểm soát văn bản. Trung tâm kiểm nghiệm & đảm bảo chất lượng thực hiện kiểm nghiệm và kiểm tra chất lượng nguyên liệu, kiểm nghiệm và kiểm tra chất lượng từ các mẫu đ-ợc lấy ra trên mỗi công đoạn của quá trình sản xuất, tiếp nhận và triển khai các ch-ởng trình chất lượng, kiểm soát việc thực hiện đánh giá nội bộ của các bộ phận khác v.v..... Trung tâm kiểm soát văn bản thực hiện việc ban hành, quản lý, kiểm tra kiểm soát, l- u trữ các văn bản chất lượng.

6.7. Hoạt động Marketing.

a. Sản phẩm.

Sản phẩm mang th-ởng hiệu TAYA đã đ-ợc khẳng định về chất lượng trên thị tr-ờng Đài Loan và các n-ớc khác. Các sản phẩm do Taya Việt Nam sản xuất cũng đảm bảo đạt đ-ợc đúng những yêu cầu chất lượng đã đ-ợc khẳng định. Theo đánh giá của các chuyên gia, sản phẩm của Taya Việt Nam không thua các sản phẩm của Hàn Quốc nhập khẩu vào Việt Nam.

Hệ thống vận hành sản xuất của Công ty dựa trên ba nguyên lý: (i) chất lượng cao, (ii) liên tục cải tiến và (iii) thoả mãn khách hàng. Công ty triển khai đ- a ra những loại sản phẩm mới căn cứ vào nhu cầu, kích th-ớc và mức độ phát triển của thị tr-ờng. Trong t-ởng lai, Công ty luôn h-ớng đến việc tìm kiếm những cơ hội phát triển mới nh- ng vẫn luôn duy trì những tiêu chuẩn cao nhất của 03 nguyên lý mà Công ty đã đặt ra.

b. Địa điểm bán hàng.

Hiện tại, sản lượng sản phẩm xuất khẩu chiếm khoảng 8-10% trong tổng sản lượng của Công ty. Các thị tr-ờng xuất khẩu của Công ty là: Trung Quốc, Đài Loan, Campuchia. Thị tr-ờng tiêu thụ trong n-ớc đ-ợc Công ty phân chia nh- sau:

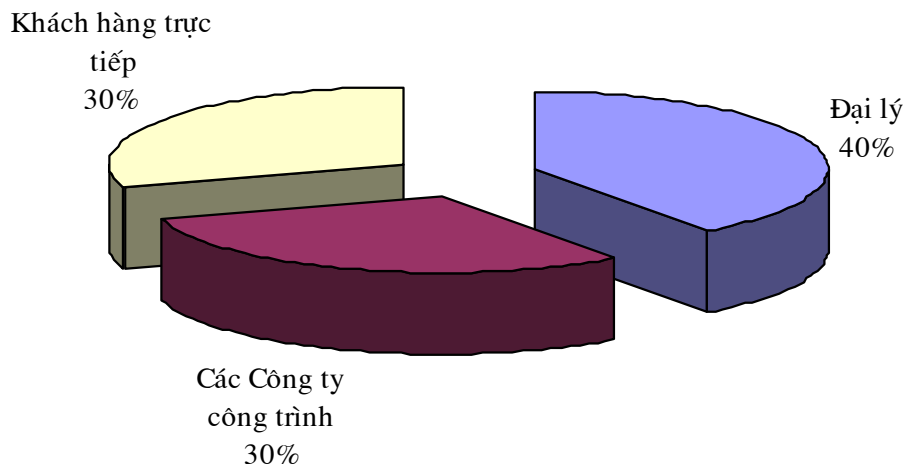
- Nhà máy Đồng Nai: các tỉnh thành ở phía Nam ra đến gần Đà Nẵng.
- Chi Nhánh Hải D- ơng: từ Đà Nẵng ra đến các tỉnh miền Bắc.

Công ty xây dựng mạng l-ới bán hàng bằng việc phát triển: (i) hệ thống các Đại lý, (ii) tham gia đấu thầu hoặc thầu phụ cung cấp dây và cáp điện cho các Công ty xây dựng công trình, và (iii) các khách hàng trực tiếp mua dây và cáp điện của Công ty.

Các đại lý của Công ty đ-ợc lựa chọn trên cơ sở có khả năng về vốn, am hiểu kỹ thuật về dây và cáp điện. Các khách hàng trực tiếp th-ờng xuyên của Công ty, tùy theo khả năng có thể

đ- ợc Công ty phát triển thành Đại lý. Hiện Công ty có trên 300 Đại lý, 700 khách hàng trực tiếp th- ờng xuyên, tạo thành hệ thống phân phối trải đều khắp các tỉnh, thành trong cả n- ớc. Các công trình xây dựng đ- ợc công ty tham gia với t- cách thầu chính hoặc phụ cung cấp dây và cáp điện cho các công trình.

TỶ LỆ NHÓM KHÁCH HÀNG TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA TAYA



Thị tr- ờng trong n- ớc ngoài việc phân chia ra 02 khu vực chính do hai nhà máy sản xuất đảm nhận, trong mỗi khu vực cũng đ- ợc phân chia quản lý theo vùng, căn cứ vào địa lý hành chính. Thị tr- ờng tại mỗi vùng đ- ợc tổ chức theo dõi chặt chẽ về diễn biến và tình hình tiêu thụ. Khi thị tr- ờng tại một nơi phát triển đúng mức, Công ty sẽ nhanh chóng tiến hành đặt văn phòng liên lạc tại nơi đó để thuận tiện hơn cho khách hàng trong giao dịch và thuận tiện cho Công ty trong triển khai các hoạt động về xúc tiến bán hàng. Cụ thể trong thời gian sắp tới Công ty sẽ đặt văn phòng đại diện tại Thành phố Cần Thơ để mở rộng việc tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

c. Giá bán.

Công ty thực hiện chiến l- ợc giá bán linh hoạt. Căn cứ vào sản l- ợng tiêu thụ, khả năng thanh toán, uy tín, vùng thị tr- ờng, đối t- ợng khách hàng mà công ty xác định giá bán phù hợp. Giá bán sản phẩm cũng đ- ợc Công ty điều chỉnh phù hợp dựa vào các yếu tố về cạnh tranh, về chi phí sản xuất v.v... Nhìn chung, do tính - u việt về chất l- ợng của sản phẩm do Công ty sản xuất nên giá bán bình quân cao hơn khoảng 1% so với các sản phẩm cùng loại đ- ợc sản xuất trong n- ớc.

d. Xúc tiến bán hàng.

Hoạt động xúc tiến bán hàng đ- ợc Công ty thực hiện qua các hình thức: bảo đảm chất l- ợng với khách hàng, chế độ hậu mãi, t- vấn lựa chọn và sử dụng sản phẩm, ch- ợng trình quảng cáo th- ợng hiệu và sản phẩm, khuyến mãi, hỗ trợ vận chuyển, tín dụng bán hàng...

- Công ty đảm bảo chất l- ợng sản phẩm của mình với khách hàng, khách hàng đ- ợc thu hồi hoặc bồi th- ợng nếu có h- hỏng hoặc sự cố phát sinh do lỗi kỹ thuật. Khi mua, khách hàng đ- ợc Công ty t- vấn để lựa chọn sản phẩm phù hợp với mục đích sử dụng tránh lãng phí, thiệt hại.
- Công ty quảng cáo th- ợng hiệu và sản phẩm trên các báo, tạp chí chuyên ngành và địa ph- ợng, nội dung và thời gian đăng báo phù hợp với các ph- ợng án xúc tiến bán đ- ợc hoạch định cho từng vùng. Các ch- ợng trình khuyến mãi cũng đ- ợc Công ty thực hiện theo vùng thị tr- ờng phù hợp.
- Công ty hỗ trợ vận chuyển đối với khách hàng mua hàng tại TP.HCM và Đồng Nai. Đối với khách hàng tại các địa ph- ợng khác, Công ty hỗ trợ vận chuyển đến địa điểm tập kết trong địa bàn Đồng Nai và TP.HCM.
- Các Đại lý của Công ty đ- ợc cấp tín dụng thanh toán trong khoảng thời gian từ 30 ngày trở lên theo từng đơn hàng và đ- ợc h- ợng các chế độ khen th- ợng khi đạt định mức tiêu thụ. Đối với các khách hàng thuộc các mảng khác, tùy thuộc vào thực tế kinh doanh uy tín và khả năng thanh toán (căn cứ vào thông tin của khách hàng có trong Hồ sơ năng lực khách hàng do Công ty lập ra) mà Công ty đ- a ra ph- ợng án cấp tín dụng hợp lý.

6.8. Nhãn hiệu th- ợng mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.

a. Th- ợng hiệu của Công ty.



Th- ợng hiệu của Công ty đã đ- ợc Cục sở hữu công nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tại Việt Nam số 17966 ban hành kèm theo quyết định số 2983/QĐNH Ngày 04-09-1995 với thời gian hiệu lực 10 năm và Quyết định gia hạn Giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hoá số 17966 đến ngày 24-01-2015, theo quyết định gia hạn số: A4975/QĐ-ĐK, ngày 03-08-2004.

b. Phát minh sáng chế và bản quyền.

Ch- a có.

6.9. Các Hợp đồng lớn đang đ- ợc thực hiện hoặc đã ký kết

Một số Hợp đồng cung cấp dây và cáp điện của Công ty đ-ợc liệt kê trong bảng sau.

ĐỐI TÁC	THỜI GIAN THỰC HIỆN	SẢN PHẨM	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (VNĐ)
CTCP Xây dựng và Thiết kế số 01	12/2005	Dây cáp điện các loại	646.641.996
Ding Shuenn	12/2005	Dây cáp điện các loại	522.915.977
Công ty TNHH Dũ Phong	12/2005	Dây cáp điện các loại	725.262.221
Cơ sở Thành Phát	02/2005	Dây cáp điện các loại	564.915.977
Cty cổ phần Sacom	01/2005	Dây đồng trần ủ mềm	3.107.500.000
Cty Pouchen	12/2004	Dây cáp điện các loại	726.717.000
Cty Vinakinden	12/2004	Dây cáp điện các loại	524.150.000
Công ty TNHH C-ờng Vinh	11/2004	Dây cáp điện các loại	538.242.037
Cty TNHH Lode Star.	10/2004	Dây cáp hạ thế 600-1000V các loại	1.274.414.910
Cty TNHH điện cơ Quang Hiến.	10/2004	Dây cáp hạ thế 600-1000V các loại	5.164.635.222
Shyang Hung Cheng	10/2004	Dây và cáp điện	752.513.326
Cty Ph-ớc Thăng	08/2004	Dây cáp điện các loại	790.499.337
Công ty TNHH Vạn Thịnh Phát	08/2004	Dây cáp điện các loại	878.811.560
Cty LD Tỷ Xuân	03/2004	Dây cáp điện các loại	3.273.108.900
Công ty TNHH Hào Huy	01/2004	Dây cáp điện các loại	523.368.170

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất.

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2003	Năm 2004	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	278.521.666	506.487.711	81,85%
2	Doanh thu thuần	336.717.991	463.536.137	37,66%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.129.557	64.501.120	129,30%
4	Lợi nhuận khác	3.169.431	1.772.636	-44,07%
5	Lợi nhuận tr-ớc thuế	31.298.988	66.273.756	111,74%
6	Lợi nhuận sau thuế	26.266.076	55.928.226	112,93%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2003, 2004

7.2. Những nhân tố ảnh h-ởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.

a. Những nhân tố thuận lợi.

Tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam: tỷ lệ tăng GDP của Việt Nam trong năm 2004 đạt ở mức 7,7%, đứng thứ 2 trên thế giới. Sự tăng trưởng này kéo theo nhu cầu về tiêu thụ năng lượng nói chung trong đó có năng lượng điện. Nhiều dự án phát triển nguồn cung cấp năng lượng điện được Chính phủ phê duyệt làm gia tăng nhu cầu về xây dựng mạng lưới truyền tải và cung cấp điện.

Các công trình xây dựng tiếp tục phát triển: Đầu tư trong nước và nước ngoài đang dần hồi phục và gia tăng. Các công trình xây dựng cao ốc, xây dựng nhà ở và nhà ở ngay một phát triển. Nhu cầu tiêu thụ dây và cáp điện chất lượng cao thay thế cho nhập khẩu tiếp tục tăng mạnh.

Thương hiệu và sự hỗ trợ của Taya Đài Loan: Thương hiệu Taya với hơn 50 năm tồn tại và phát triển đã khẳng định uy tín với người sử dụng các nước. Các sản phẩm do Taya Việt Nam sản xuất cũng theo cùng một tiêu chuẩn chất lượng. Đây là lợi thế của Công ty khi tiến hành xuất khẩu cũng như tham gia đấu thầu hoặc thầu phụ cung cấp dây và cáp điện cho các công trình xây dựng, đặc biệt là các công trình của các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam. Bên cạnh đó với sự hỗ trợ của Taya Đài Loan về nhiều mặt như: bí quyết công nghệ sản xuất, nhập khẩu nguyên liệu, đào tạo huấn luyện .v.v... đã giúp Taya Việt Nam có sự ổn định vững chắc cần thiết để phát triển.

b. Những nhân tố khó khăn.

Giá nguyên liệu tăng: giá các loại nguyên liệu đầu vào trong năm 2004 vừa qua tăng rất mạnh. Sự gia tăng nhu cầu sử dụng trên thế giới về đồng làm giá nguyên liệu đồng tấm tăng khoảng 60% so với năm 2003, giá các loại hạt nhựa cũng tăng khoảng 45% so với năm 2003. Trong khi đó, thuế nhập khẩu các loại vật tư đầu vào còn cao nên cũng tác động làm tăng giá thành sản xuất.

Phí vận chuyển tăng: Giá xăng dầu trên thế giới liên tục tăng lên, giá trong nước cũng được Nhà nước điều chỉnh tăng. Sự tăng giá của mặt hàng thiết yếu này tạo tác động làm gia tăng chi phí vận chuyển. Điều này cũng ảnh hưởng đến việc phát triển tiêu thụ của Công ty ở những vùng xa nhà máy.

Gian lận, trốn thuế: bằng những thủ đoạn gian lận, trốn lậu thuế, các sản phẩm dây và cáp điện nước ngoài vẫn được nhập khẩu với giá thấp, gây khó khăn không nhỏ cho các doanh nghiệp làm ăn chân chính trong nước. Mong muốn hiện nay của các doanh nghiệp là những tồn tại nêu trên cần được tháo gỡ kịp thời.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành.

a. Thị trường tiêu thụ dây và cáp điện của Công ty.

Các sản phẩm của Công ty sản xuất ra được đưa vào tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, khối lượng sản phẩm xuất khẩu chiếm tỷ lệ 8-10% trong tổng sản lượng. Công ty chú trọng vào việc cung cấp các sản phẩm dây và cáp điện dùng trong mạng hạ thế với khả năng truyền tải cho điện áp từ 600V - 1.000V do dung lượng thị trường tiêu thụ lớn. Đối với sản phẩm dây điện từ, Công ty cung cấp chủ yếu cho các nhà sản xuất động cơ, mô tơ điện, máy biến áp.

b. Vị thế của Công ty trong ngành.

Hiện tại, có hơn 60 doanh nghiệp sản xuất các loại dây và cáp điện ở Việt Nam. Taya Việt Nam là một trong số các doanh nghiệp hàng đầu về quy mô sản xuất và thị phần. Các Công ty có quy mô sản xuất lớn khác như: Công ty dây và cáp điện Việt Nam (Cadivi), Công ty Liên doanh LG Hải Phòng, Công ty TNHH Tân Cường Thành, Công ty Cơ điện Trần Phú, Công ty TNHH Nhật Linh (Lioa), Công ty TNHH Thịnh Phát.

Có thể thấy được vị thế của Công ty Taya Việt Nam so với các doanh nghiệp khác trong ngành qua doanh thu năm 2004 của một số công ty hàng đầu trong sản xuất dây và cáp điện ở Việt Nam thể hiện qua bảng sau.

STT	CÔNG TY	DOANH THU 2004 (TỶ ĐỒNG)	TĂNG SO VỚI 2003 (%)
1	Công ty Dây và Cáp điện Việt Nam (CADIVI).	790	32.6
2	Công ty Cơ điện Trần Phú	690	30.0
3	Công ty Liên doanh LG Vina Cable.	630	28.4
4	Công ty Taya Việt Nam.	490	37,7
5	Công ty cổ phần cáp và vật liệu viễn thông (SACOM)	470	41.6
6	Công ty sản xuất dây và cáp điện Tân Cường Thành	380	31.0
7	Công ty TNHH SX dây & cáp điện Thịnh Phát (THIPACO)	208	66.4

Nguồn^(): Tổng hợp từ Internet*

8.2. Triển vọng phát triển của ngành.

Theo mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2001-2010), một số chỉ tiêu cụ thể được thể hiện như sau:

^(*) Nguồn số liệu doanh thu của các công ty sản xuất dây và cáp điện nêu trên được tổng hợp từ Internet, các thông tin được thu thập từ các trang như: hàng Việt Nam chất lượng cao, Báo nhân dân, Bộ tài chính, Trung tâm giao dịch chứng khoán, Vietnam media, Vietnam net, Thời báo Kinh tế Sài Gòn.

CHỈ TIÊU	2001-2005	2006 -2010
Tăng tr-ởng bình quân GDP cả n-ớc (%)	7,6 - 8,0	6,6 - 7,0
Tăng tr-ởng bình quân GDP của vùng Đông Nam Bộ (%)		8,0
Tăng tr-ởng bình quân Công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ (%)		9,4

Nguồn: Bộ kế hoạch đầu t-.

Với xu h-ớng phát triển chung của xã hội, nhu cầu tiêu thụ điện tại Việt Nam từ 2002 đến 2010 đ-ợc dự báo tăng 15-16% hàng năm. Tốc độ phát triển sản xuất của ngành điện cũng phải tăng tr-ớc một b-ớc nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và phát triển kinh tế. Số liệu về tăng tr-ởng sản l-ợng sản xuất điện hàng năm (***) nh- sau:

NĂM	SẢN L- ỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT (tỷ Kwh)	TỐC ĐỘ TĂNG BÌNH QUÂN (%/năm)
2002	34,5	15
2005	53,0	11-12
2010	88,0 - 93,0	09-10
2020	201,0 - 250,0	-

Nguồn: Chiến l-ợc phát triển ngành điện Việt Nam 2004-2010.

Đi đôi với sự phát triển của sản l-ợng sản xuất điện năng là việc xây dựng mạng l-ới truyền tải và phân phối điện năng từ mạng l-ới cao thế đến hạ thế và tiêu dùng. Nhu cầu dây và cáp điện để xây dựng mạng l-ới điện đ-ợc dự báo sẽ tăng nhanh trong những năm tới. Ngoài ra, dây và cáp điện còn đ-ợc sử dụng vào các lĩnh vực nh- : sản xuất ô tô và động cơ, sản xuất mô tơ và máy biến áp, liên lạc viễn thông và truyền dữ liệu v.v...

Những năm gần đây, ngành sản xuất dây và cáp điện Việt Nam đứng tr-ớc một cơ hội thị tr-ởng hết sức thuận lợi, tốc độ tăng tr-ởng doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất dây và cáp điện có đầu t- trang thiết bị hiện đại, sản phẩm đạt tiêu chuẩn của IEC (ủy ban điện quốc tế) với mức tăng tr-ởng trên 20%/năm. Xuất khẩu cáp điện của Việt Nam liên tục tăng nhờ sự khởi sắc của các thị tr-ởng chính là Nhật Bản chiếm 90% l-ợng hàng xuất khẩu, kế đến là Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và các n-ớc lân cận nh- Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanma. Theo Bộ th-ơng mại, năm 2001 ngành điện xuất khẩu đạt giá trị khoảng 154 triệu USD, năm 2002 đạt 186 triệu USD tăng 20,8%, năm 2003 đạt 263 triệu USD tăng 41,4%, sang năm 2004 - ớc đạt 385 triệu USD tăng 46,4% và kế hoạch trong năm 2005 thực hiện xuất khẩu 493 triệu USD tăng 28,1%. Thị tr-ởng nội địa cũng phát triển đầy triển vọng, khả năng cung cấp của các doanh nghiệp sản xuất chỉ đạt 70% nhu cầu, khoản thiếu hụt còn lại đ-ợc nhập khẩu từ bên ngoài, chủ yếu là các sản phẩm dây và cáp điện có chất l-ợng cao.

(***) Quyết định 176/2004/QĐ-TTG của Thủ t-ớng chính phủ phê duyệt, mục tiêu cụ thể về sản l-ợng sản xuất điện theo chiến l-ợc phát triển ngành điện Việt Nam giai đoạn 2004-2010.

Với lợi thế là giá nhân công rẻ, nhiều nguyên liệu đầu vào trong nước đã sản xuất được như dây đồng, hạt nhựa bọc cáp v.v..., nên ngành sản xuất dây và cáp điện Việt Nam có lợi thế cạnh tranh trên thế giới về giá thành sản xuất.

Cùng với tốc độ phát triển của nền kinh tế, ngành sản xuất dây và cáp điện Việt Nam đã đầu tư trang thiết bị hiện đại gia tăng năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu sử dụng dây và cáp điện phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Có thể khẳng định, ngành sản xuất dây và cáp điện tại Việt Nam đang trên đà phát triển.

8.3. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty.

Mục tiêu phát triển là **“Đ- a Taya Việt Nam trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, có thế mạnh về chất lượng sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu”**. Để đạt được mục tiêu này, Công ty xác định phương hướng chiến lược thực hiện tập trung vào:

a. Tuân thủ pháp luật.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phải luôn thực hiện tuân thủ pháp luật Việt Nam và đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Cam kết gắn bó lâu dài và xây dựng Taya Việt Nam thành cứ điểm mới vững mạnh của Tập đoàn Taya.

b. Phát triển thị trường.

Với tốc độ phát triển nhanh của nền kinh tế và sự gia tăng nhanh nhu cầu tiêu thụ thì việc mở rộng thị trường là bước đi cần thiết để củng cố vị trí của doanh nghiệp và đẩy nhanh tốc độ phát triển trong những năm tới.

Tận dụng lợi thế hiện có về kinh nghiệm sản xuất, công nghệ hiện đại, chất lượng sản phẩm cao, Công ty sẽ gia tăng thị phần tại Việt Nam thông qua đẩy mạnh phát triển thị trường tại khu vực từ Đà Nẵng trở ra phía Bắc và tập trung vào khai thác chiều sâu thị trường tại khu vực phía nam, khu vực miền trung từ Đà Nẵng trở vào và khu vực Tây Nguyên.

c. Đầu tư phù hợp.

Tiến hành đầu tư mở rộng hoặc xây dựng thêm nhà máy để sản xuất ra các loại sản phẩm khác nhau: dây cáp thông tin, dây và cáp điện trung cao thế từ 15KV trở lên... ngay khi điều kiện thị trường thuận lợi. Phát triển từng bước vững chắc, luôn bảo đảm cho Công ty hoạt động với tình hình tài chính lành mạnh.

d. Phát triển nguồn nhân lực.

Nhân tố con người chiếm phần quan trọng trong việc quyết định sự thành công và phát triển của doanh nghiệp. Do đó kế hoạch chiến lược nguồn nhân lực của Công ty sẽ tập trung vào:

- Phát triển nguồn nhân lực thông qua kế hoạch đào tạo và tuyển chọn để từng bước kế thừa và tiếp thu những kinh nghiệm từ đội ngũ chuyên gia nước ngoài.
- Thường xuyên đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ công nhân, nhân viên.
- Xây dựng sự phối hợp tốt trong tác nghiệp giữa các bộ phận, thúc đẩy sáng tạo, tăng năng suất lao động.
- Tăng cường phúc lợi tinh thần và vật chất cho cán bộ công nhân viên.
- Tạo điều kiện cho mọi người lao động trong Công ty đều có cơ hội sở hữu cổ phần của Công ty nhằm phát huy tinh thần làm chủ và sự gắn bó.

9. Chính sách đối với người lao động.

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động của toàn Công ty (bao gồm Chi nhánh Hải Phòng) tại thời điểm 31/12/2004 là 515 lao động, trong đó nhân viên quản lý là 69 người.

Cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Năm 2003	Tỷ lệ	Năm 2004	Tỷ lệ
I. PHÂN THEO ĐỐI TƯỢNG LAO ĐỘNG	395	100,00%	515	100,00%
1. Lao động trong nước.	385	97,47%	502	97,48%
2. Lao động nước ngoài	10	2,53%	13	2,52%
II. PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ	395	100,00%	515	100,00%
1. Đại học và trên đại học	37	9,37%	70	13,59%
2. Trung cấp	53	13,42%	60	11,65%
3. Phổ thông trung học trở xuống	305	77,22%	385	74,76%

9.2. Chính sách đối với người lao động.

a. Chế độ làm việc.

Thời gian làm việc: Taya Việt Nam tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1/2h. Thực hiện nghỉ vào ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng đ- ợc nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng đ- ợc tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên tiếp tục đ- ợc công thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên đ- ợc nghỉ lễ, tết 08 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty đ- ợc nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và đ- ợc h- ớng nguyên l- ơng. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn đ- ợc h- ớng thêm 04 tháng l- ơng cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo.

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút ng- ời lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy thuộc vào từng vị trí đảm nhận mà có những tiêu chuẩn quy định phù hợp. Những lao động đảm nhận vị trí cao đ- ợc Công ty sử dụng ng- ời từ n- ớc ngoài đ- a sang và sẽ đ- ợc thay thế dần bằng ng- ời Việt Nam khi có ng- ời đáp ứng đ- ợc năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu công việc.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi d- ỡng, đặc biệt là về kỹ năng về ISO 9000, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Việc đào tạo tại Công ty đ- ợc thực hiện theo h- ớng sau:

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi đ- ợc tuyển dụng, nhân viên mới sẽ đ- ợc Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn đ- ợc giao, ph- ơng pháp và kỹ năng thực hiện công việc, ISO 9000.
- Đào tạo th- ờng xuyên: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo d- ối với nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện.v.v... Kết quả sau mỗi khoá học đ- ợc báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các ph- ơng pháp và hình thức đào tạo.

c. Chính sách l- ơng, th- ờng, phúc lợi.

Chính sách l- ơng: Công ty xây dựng chính sách l- ơng riêng phù hợp với đặc tr- ơng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho ng- ời lao động đ- ợc h- ớng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà n- ớc, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng ng- ời tạo đ- ợc sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách th-ởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách th-ởng hàng kỳ, th-ởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét th-ởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt đ-ợc hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến ph-ơng pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

Cuối năm, toàn thể Cán bộ Công nhân viên của Công ty đều đ-ợc h-ởng l-ơng tháng thứ 13. Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty trong năm, cán bộ công nhân viên sẽ đ-ợc trích th-ởng thêm từ 2- 3 tháng l-ơng.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đ-ợc Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho ng-ời lao động theo Luật lao động. Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tạo điều kiện cho công nhân viên đi nghỉ mát, nâng cao tinh thần và rèn luyện sức khoẻ.

Chính sách bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Khi cổ phần hoá Công ty có chính sách -u đãi tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên đ-ợc sở hữu cổ phần nhằm tạo sự gắn bó, tích cực cống hiến của nhân viên với Công ty.

10. Chính sách cổ tức.

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Đại hội cổ đông th-ởng niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và ph-ơng h-ớng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo.

11. Tình hình hoạt động tài chính.

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, đ-ợc lập dựa trên Pháp lệnh Kế toán-Thống kê và các quy định hiện hành về kế toán Việt Nam.

a. Trích khấu hao tài sản cố định.

Từ năm 2003 trở về tr-ớc, Công ty áp dụng trích khấu hao theo Quyết định số 166/1999/QĐ-BTC ngày 30/12/1999 của Bộ tài chính. Kể từ năm 2004, tài sản cố định đ-ợc khấu hao theo ph-ơng pháp khấu hao đ-ờng thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng - ớc tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ tr-ởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà x- ởng, vật kiến trúc: 6 -25 năm
- Máy móc, thiết bị: 3-7 năm
- Ph- ơng tiện vận tải: 7 năm

b. Mức thu nhập bình quân.

Thu nhập của ng- ời lao động trong Công ty là l- ơng và th- ởng. Năm 2003, bình quân mức l- ơng hàng tháng là 1.200.000 đồng/ng- ời và 3,5 tháng l- ơng th- ởng cuối năm. Năm 2004, l- ơng bình quân hàng tháng là 1.500.000 đồng/ng- ời và 04 tháng l- ơng th- ởng cuối năm. Đây là mức thu nhập trung bình khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2003-2004, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định.

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà n- ớc.

e. Trích lập các quỹ.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Hiện tại, do vừa thực hiện chuyển chuyển đổi sang công ty cổ phần nên việc trích lập các quỹ sẽ đ- ợc thực hiện kể từ năm 2005.

f. D- nợ vay ngân hàng.

Tại thời điểm 30/09/2005, tình hình nợ vay của Công ty nh- sau:

- Vay ngắn hạn: 253.801.412.883 đồng.

BÊN CHO VAY	HẠN MỨC (USD)	LÃI SUẤT	D- NỢ GỐC	
			D- nợ bằng USD (Đvt: USD)	Quy đổi VND (Đvt: 1.000 đồng)
Ngân hàng Th- ơng mại Chinfon (CN TP.HCM)	6.000.000	Sibor 3 tháng + 1,15%	4.937.216	78.467.731
Ngân hàng Th- ơng mại Chinfon (CN Hà Nội)	2.000.000	Sibor 3 tháng + 1,15%	1.579.593	25.090.259
Ngân hàng Th- ơng mại Chinatrust (CN TP.HCM)	4.000.000	Sibor 1 tháng + 1,25%	3.988.832	63.398.494
Ngân hàng Th- ơng mại Quốc tế Trung quốc (CNTP.HCM)	2.000.000	Sibor 6 tháng + 1%	1.727.990	27.464.674
Ngân hàng Far East Bank (Mỹ) (CNTP.HCM)	5.000.000	Sibor 6 tháng + 1%	3.738.369	59.380.254
Tổng cộng	19.000.000		15.972.000	253.801.413

Nguồn: TAYA VN.

– Vay dài hạn: 49.156.013.927 đồng.

BÊN CHO VAY	HẠN MỨC (USD)	LÃI SUẤT	D- NỢ GỐC	
			D- nợ bằng USD (Đvt: USD)	Quy đổi VND (Đvt: 1.000 đồng)
Ngân hàng Indovina CN TP.HCM	1.500.000	Sibor 6 tháng + 1,5%	179.190	2.848.046
Ngân hàng Th- ơng mại Quốc tế Trung quốc (CN TP.HCM)	500.000	Sibor 6 tháng + 1%	158.307	2.516.131
Ngân hàng Th- ơng mại Chinfon (CN TP.HCM)	4.600.000	Sibor 3 tháng + 1,25%	3.570.614	56.715.640
Cộng	5.500.000		3.619.445	62.079.817
			Trừ khoản vay dài hạn đến hạn trả	(12.923.803)
Tổng cộng				49.156.014

Nguồn: TAYA VN.

(1) Khoản vay từ Ngân hàng Indovina - CN TP. HCM đ- ợc hoàn trả trong 49 tháng bắt đầu từ ngày 17/12/2001. Khoản vay đ- ợc bảo đảm bằng một phần nhà x- ớng và máy móc thiết bị tại Trụ sở chính Đồng Nai với giá trị còn lại khoảng 6,816 tỷ tại ngày 30/09/2005.

(2) Khoản vay từ Ngân hàng Th- ơng mại Quốc tế Trung Quốc - CN TP. HCM đ- ợc ân hạn 01 năm kể từ ngày rút khoản vay đầu tiên và đ- ợc hoàn trả bằng 09 lần với thời hạn 6 tháng/ lần. Khoản vay đ- ợc thế chấp bằng một phần nhà x- ớng và máy móc thiết bị tại Trụ sở chính Đồng Nai với giá trị còn lại khoảng 3,323 tỷ tại ngày 30/09/2005.

(3) Khoản vay từ Ngân hàng Chinfon - CN TP. HCM đ-ợc hoàn trả trong 09 lần với thời hạn 06 tháng/lần bắt đầu từ tháng 12/2004. Khoản vay đ-ợc bảo đảm bằng nhà x-ởng tại Chi nhánh Hải D-ơng.

g. Tình hình công nợ hiện nay.

– Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2003		31/12/2004		30/09/2005	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu từ th-ơng mại	61.606.109		104.470.743	-	169.181.954	-
Trả tr-ớc cho ng-ời bán			546.607	-	7.886.275	-
Thuế GTGT đ-ợc khấu trừ				-	-	-
Phải thu bên liên quan	2.332.608			-	-	-
Phải thu khác	916.917			-	488.088	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(766.368)		(766.368)	-	(766.368)	-
Tổng cộng	64.089.226		104.250.982		176.789.949	

Nguồn: trích Báo cáo kiểm toán năm 2003, 2004. Báo cáo 9 tháng đầu năm 2005.

– Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2003		31/12/2004		30/09/2005	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải trả cho ng-ời bán	3.936.054	-	12.818.268	-	7.359.477	-
Ng-ời mua trả tiền tr-ớc	806.244	-	3.113.041	-	2.106.928	-
Các khoản thuế phải nộp	4.714.145	-	11.581.178	-	(4.446.818)	-
Phải trả công nhân viên	2.480.582	-	3.208.535	-	2.190.221	-
Phải trả bên liên quan	20.482.561	-	45.899.301	-	13.438.081	-
Phải trả khác	1.717.173	-	1.721.373	-	66.035.253	-
Tổng	34.136.759		78.341.696		86.683.142	

Nguồn: trích Báo cáo kiểm toán năm 2003, 2004 và Báo cáo 9 tháng đầu năm 2005.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ SỐ	Năm 2003	Năm 2004	9 tháng đầu năm 2005
1. Chỉ số về khả năng thanh toán			
– Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,41	1,30	1,28
– Hệ số thanh toán nhanh	0,97	0,61	0,76
2. Chỉ số về cơ cấu vốn			
– Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,51	0,53	0,60
– Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,03	1,12	1,52
3. Chỉ số về năng lực hoạt động			
– Vòng quay tổng tài sản	1,21	0,92	0,812
– Vòng quay Tài sản cố định	3,51	2,16	2,48
– Vòng quay Tài sản l- u động	1,84	1,59	1,21
– Vòng quay các khoản phải thu	5,25	4,45	3,07
– Vòng quay hàng tồn kho	5,04	2,43	2,71
4. Chỉ số về khả năng sinh lời			
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7.80%	12.07%	4,46%
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19.15%	23.45%	9,11%
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9.43%	11.04%	3,62%
– Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	8.35%	13.92%	3,93%

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

a. Ông SHEN SHANG PANG.

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam. Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953
- Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan
- Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)
- Dân tộc: Trung Hoa
- Quê quán: Đài Nam

- Địa chỉ th- ờng: Số 11, hẻm 133, đ- ờng Kiện Khang Đoạn I, thành phố Đà Nam, Đà Loan
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 008866 - 5953131
- Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp **Học viện Công Thương Kiến Quốc khoa Điện Cơ**
- Trình độ chuyên môn: **Điện Cơ.**
- Quá trình công tác:
 - 1986 - 1988 : Chuyên viên Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).
 - 1988 - 1992 : Chủ nhiệm Phòng Chứng Khoán.
 - 1992 - 2003 : Phó Tổng Giám đốc Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).
 - 2003 - nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).
- Số cổ phần nắm giữ: 109.990 cổ phần
- Những ng- ời có liên quan nắm giữ cổ phần: không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 109.990 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

b. Ông SHEN SHANG TAO.

- Chức vụ hiện tại: Phó chủ tịch HĐQT Công ty **Cổ phần** Dây và Cáp điện TAYA (Việt Nam). Phó Tổng Giám đốc Công ty CPHH Dây và Cáp điện Taya (Đài Loan).
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960
- Nơi sinh: Đà Nam, Đà Loan
- Quốc tịch: Đà Loan (R.O.C)
- Dân tộc: Trung Hoa
- Quê quán: Đà Loan

- Địa chỉ th- ờng trú: Số 9, hẻm 158, đ- ờng Đông Môn Đoạn II, Thành phố Đà Nam, Đà Loan
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 008866 - 5953131
- Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Tr- ờng Đại Học Nam California, Hoa Kỳ
- Trình độ chuyên môn: **Công Trình Điện Cơ**
- Quá trình công tác:
 - 1986 - 1987 : Trợ lý công trình s- Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).
 - 1987 - 1989 : Phó Giám Đốc Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).
 - 1989 - 1993 : Giám đốc Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).
 - 1993 - 1995 : Chuyên viên cao cấp Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).
 - 1995 - 1997 : Trợ lý đặc biệt Tổng Giám đốc Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).
 - 1997 - nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).
- Số cổ phần nắm giữ: 66.710 cổ phần
- Những ng- ời có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 66.710 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

c. Ông SHEN SAN YI.

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty **Cổ phần** Dây Cáp Điện TAYA Việt Nam, Tổng giám đốc Công Ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/03/1961
- Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan
- Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C)

- Dân tộc: Trung Hoa
- Quê quán: Đà Loan
- Địa chỉ th- ờng trú: Số 11. hẻm 133, đ- ờng Kiện Khang Đoạn I, Thành phố Đà Nam, Đà Loan
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 008866 - 5953131
- Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp tr- ờng Đại Học Cồn Sơn Đà Loan
- Trình độ chuyên môn: **Công Trình Điện Cơ**
- Quá trình công tác:
 - 1987 - 1991 : Phó Giám đốc kinh doanh Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đà Loan).
 - 1991 - 1993 : Giám đốc kinh doanh Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đà Loan).
 - 1993 - 1995 : Chuyên viên cao cấp Công ty Dây và Cáp Điện TAYA (Đà Loan).
 - 1995 - 1997 : Trợ lý đặc biệt Chủ tịch HĐQT Công ty Dây và Cáp Điện TAYA (Đà Loan).
 - 1997 - 2003 : Phó Tổng Giám đốc Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đà Loan).
 - 2003 - nay : Tổng Giám đốc Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đà Loan).
- Số cổ phần nắm giữ: 36.500 cổ phần
- Những ng- ời có liên quan nắm giữ cổ phần: không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 36.500 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

d. Ông SHEN SHANG HUNG.

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đà Loan).
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958

- Nơi sinh: Đà Nam, Đà Loan
- Quốc tịch: Đà Loan (R.O.C)
- Dân tộc: Trung Hoa
- Quê quán: Đà Nam
- Địa chỉ th- ờng trú: Số **75**, lầu 9, đ- ờng Khánh thành, thành phố Đà Bắc, Đà Loan
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 008862 - 22997070
- Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Tr- ờng đại học Đà Loan, MBA Tr- ờng Đại Học Emory Hoa Kỳ
- Trình độ chuyên môn: **Công Trình Điện Cơ, Quản Trị Doanh Nghiệp**
- Quá trình công tác:
 - 1991 - 1997 : Phó Giám Đốc Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đà Loan).
 - 1997 - 2003 : Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đà Loan).
 - 2003 - nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đà Loan).
- Số cổ phần nắm giữ: 52.040 cổ phần
- Những ng- ời có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 52.040 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

e. Ông CHEN PING SEN.

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây Cáp điện TAYA (Việt Nam)
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/08/1948
- Nơi sinh: Đà Nam, Đà Loan
- Quốc tịch : Đà Loan (R.O.C)
- Dân tộc: Trung Hoa

- Quê quán: Đà Nam, Đà Loan
- Địa chỉ th- ờng trú: Số 35, đ- ờng Kiện Bình 13, thành phố Đà Nam
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84 - 61) 836361 ~ 4
- Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Tr- ờng Đại **Học** Bình Đông
- Trình độ chuyên môn: **Công Trình Cơ Giới**
- Quá trình công tác:
 - 1985 - 1986 : Công trình s- Công ty CPHH Dây và Cấp Điện TAYA (Đài Loan).
 - 1986 - 1989 : Giám Đốc Công ty CPHH Dây và Cấp Điện TAYA (Đài Loan).
 - 1989 - 1998 : X- ưởng tr- ưởng Công ty CPHH Dây và Cấp Điện TAYA (Đài Loan).
 - 1998 - nay : Tổng giám đốc Công ty CPHH Dây Cấp điện TAYA (Việt Nam) và nay là Công ty Cổ phần Dây và Cấp điện TAYA (Việt Nam).
- Số cổ phần nắm giữ: 19.313 cổ phần
- Những ng- ời có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 19.313 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

12.2. Thành viên Ban kiểm soát

a. Ông KUO LAO FU.

- Chức vụ hiện tại: **Trưởng BKS** Công ty Cổ phần Dây Cấp Điện TAYA Việt Nam. **Chủ Nhiệm Phòng TGD** Công ty CPHH Dây Cấp Điện TAYA (Đài Loan).
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 31/01/1945
- Nơi sinh: Đà Nam, Đà Loan
- Quốc tịch: Đà Loan (R.O.C)
- Dân tộc: Trung Hoa

- Quê quán: **Đài Nam, Đài Loan**
- Địa chỉ th- ờng trú: **Số 17, hẻm 571, đ- ờng Nam Đỉnh, thôn Thất Giáp, xã Quy Nhơn, huyện Đài Nam , Đài Loan**
- ĐT liên lạc ở cơ quan: **008866 - 5953131**
- Trình độ văn hóa: **Tốt nghiệp Tr- ờng Trung Học Tân Phong, Đài Loan**
- Trình độ chuyên môn: **Quản trị doanh nghiệp**
- Quá trình công tác:
 - 1994 - 2005: **Giám Đốc Nhân Sự, Hành Chính, Kinh Doanh Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).**
 - 2005 - nay: **Tr- ởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam, Chủ Nhiệm Phòng Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).**
- Số cổ phần nắm giữ: **1.500 cổ phần.**
- Những ng- ời có liên quan nắm giữ cổ phiếu: **không có.**
- Hành vi vi phạm pháp luật: **không có.**
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **không có.**

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 1.500 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

b. Ông WANG WEN RUEY.

- Chức vụ hiện tại: **Thành viên BKS Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam. Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Dây và Cáp Điện Đại Triển.**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **31/08/1951**
- Nơi sinh: **Đài Nam, Đài Loan**
- Quốc tịch : **Đài Loan (R.O.C)**
- Dân tộc: **Trung Hoa**
- Quê quán: **Đài Nam**
- Địa chỉ th- ờng trú: **Số 68, lầu 5, hẻm 405, đ- ờng Trung Sơn Bắc Lộ Đoạn I, thành phố Đài Bắc**
- ĐT liên lạc ở cơ quan: **008862 - 2997080**

- Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Tr- ờng Đại Học Đông Ngõ, Đài Loan
- Trình độ chuyên môn: **Quản Trị Doanh Nghiệp**
- Quá trình công tác:
 - 1985 - 1990 : Phó Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Dây và Cấp Điện Đại Triển
 - 1990 - nay : Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Dây và Cấp Điện Đại Triển.
- Số cổ phần nắm giữ: không có
- Những ng- ời có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 0 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

c. Ông TU TING JUL.

- Chức vụ hiện tại: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Dây và Cấp điện TAYA **Việt Nam**, Chuyên viên Công ty CPHH Dây và Cấp Điện TAYA Việt Nam.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/08/1948
- Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan
- Quốc tịch : Đài Loan (R.O.C)
- Dân tộc: Trung Hoa
- Quê quán: Đài Nam
- Địa chỉ th- ờng trú: Số 36, ngõ 70, hẻm 189, đ- ờng An Trung Đoạn I, thành phố Đài Nam
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 008866 - 5953131
- Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Tr- ờng Cao Đẳng Th- ơng Nghiệp Đài Nam
- Trình độ chuyên môn: **Kế Toán**
- Quá trình công tác:

- 1994 - nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam, Chuyên viên Công ty **Cổ Phần** Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Những ng-ời có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 0 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

12.3. Ban giám đốc

a. Ông CHEN PING SEN:

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Công ty **Cổ Phần** Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam.
- Lý lịch chi tiết đ-ợc nêu ở mục Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT.

b. Ông CHIU CHIN TENG:

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty **cổ phần** Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/11/1950
- Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan
- Quốc tịch : Đài Loan (R.O.C)
- Dân tộc: Trung Hoa
- Quê quán: Đài Nam
- Địa chỉ th-ờng trú: Số 672, lầu 7/4, đ-ờng Sùng Đức, thành phố Đài Nam
- ĐT liên lạc ở cơ quan: **(84-320) 775.888, 775.890~775.892**
- Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Tr-ờng Cao Đẳng Th-ong Nghiệp Đài Nam
- Trình độ chuyên môn: **Kế Toán**
- Quá trình công tác:
 - 1996 - 2003 : Chuyên viên Công ty CPHH Dây và Cáp Điện TAYA (Đài Loan).

- 2003 - nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần TAYA Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 30.000 cổ phần
- Những ng-ời có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 30.000 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

13. Tài sản.

Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2005:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
1	Nhà x- ởng, vật kiến trúc	103.803.831	83.296.719	80,24%
2	Máy móc thiết bị	173.943.542	103.440.036	59,47%
3	Ph- ơng tiện vận tải	8.153.750	5.163.218	63,32%
4	Dụng cụ quản lý	1.690.280	435.237	25,75%
5	Tài sản khác	3.958.517	2.714.846	68,58%
Cộng		291.549.920	195.050.056	66,90%

Nguồn: Taya Việt Nam

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 03 năm tới.

14.1. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ.

a. Điểm mạnh:

- ☞ Thừa h- ởng trình độ kỹ thuật, quản lý và kinh nghiệm sản xuất của Tập đoàn lớn.
- ☞ Có hệ thống máy móc thiết bị đồng bộ, quy trình sản xuất khép kín từ đầu vào đến đầu ra.
- ☞ Sản phẩm có chất l- ợng, đ- ợc sử dụng th- ơng hiệu TAYA nổi tiếng.
- ☞ Có sự hỗ trợ của Taya Đài Loan về công nghệ, quản lý và mua dự trữ nguyên liệu.
- ☞ Có mặt bằng dự trữ để mở rộng sản xuất.

b. Điểm yếu:

- ☞ Nhà máy tại Hải Phòng mới thành lập, cần nhiều hỗ trợ về phát triển thị trường. Sản lượng tiêu thụ nhà máy tại Hải Phòng trực tiếp còn hạn chế nên giá thành sản xuất tính trên đơn vị sản phẩm còn cao.
- ☞ Các cán bộ quản lý trong nước chưa nắm bắt đầy đủ kinh nghiệm và kỹ năng.
- ☞ Chưa khai thác hết tiềm năng thị trường.

c. Cơ hội:

- ☞ Nền kinh tế Việt Nam đang phát triển, nhu cầu tiêu thụ dây và cáp điện trong nước và xuất khẩu đang gia tăng nhanh.
- ☞ Lao động tại Việt Nam siêng năng, cần cù, thông minh, có trình độ.
- ☞ Chính phủ Việt Nam tạo cơ chế thông thoáng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cổ phần hoá và gia nhập thị trường chứng khoán.

d. Nguy cơ:

- ☞ Giá nguyên liệu còn biến động tăng.
- ☞ Giá bán sản phẩm khó tăng kịp với tốc độ tăng giá của nguyên liệu trong những năm tới.
- ☞ Thuế giá trị gia tăng còn cao.
- ☞ Chưa chấm dứt tình trạng nhập lậu dây và cáp điện trốn lậu thuế.

14.2. Kế hoạch chiến lược thực hiện trong 03 năm.

a. Sản xuất.

- ☞ Đảm bảo nghiêm ngặt chất lượng sản phẩm đúng theo những tiêu chuẩn quy định và cam kết của Công ty với khách hàng, luôn giao hàng đúng thời gian và số lượng.
- ☞ Thực hiện dự trữ nguyên liệu tồn kho hợp lý nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng của sự tăng giá nguyên liệu đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ☞ Ứng dụng những công nghệ sản xuất hiện đại của Tập đoàn Taya để sản xuất các sản phẩm mới phù hợp với thị trường.

b. Tiếp thị.

- ☞ Đẩy mạnh các hình thức phát triển thương hiệu TAYA tại Việt Nam.

- ☞ Đẩy mạnh phát triển Đại lý, nhanh chóng mở rộng mạng lưới tiêu thụ tại thị trường khu vực phía Bắc.
- ☞ Mở rộng thị phần và khai thác có chiều sâu nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường ở các khu vực miền Trung từ Đà Nẵng trở vào, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. Đưa ra những chiến lược tiếp thị và bán hàng cụ thể phù hợp với mỗi vùng.
- ☞ Đẩy mạnh tham gia đấu thầu các công trình tại các địa phương.
- ☞ Phân loại khách hàng trực tiếp, thực hiện hỗ trợ có hiệu quả.
- ☞ Tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán để nâng cao vị thế tài chính, hình ảnh, tăng cường sự hiểu biết và quan tâm của nhà đầu tư và khách hàng đối với Công ty và sản phẩm của Công ty. Tạo dựng hình ảnh tích cực của Công ty đối với xã hội và nhà đầu tư.

c. Đầu tư.

- ☞ Chuẩn bị phương án xây dựng thêm nhà xưởng sản xuất cáp thông tin, cáp quang, dây cáp điện trung và cao thế từ 15 KV trở lên tại nhà máy Đồng Nai và Hải Dương.
- ☞ Mở văn phòng đại diện và lập các tổng kho tại Cần Thơ, Nha Trang.

d. Tài chính.

Vốn là yếu tố quan trọng đối với các doanh nghiệp, nhất là trong giai đoạn đầu tư phát triển chiếm lĩnh thị phần. Công ty tập trung vào:

- ☞ Quản lý tài chính minh bạch, công khai.
- ☞ Thanh toán đầy đủ đúng hạn các khoản nợ vay, bảo đảm uy tín với các tổ chức tín dụng.
- ☞ Quản lý chặt chẽ công nợ của từng Đại lý, khách hàng cụ thể.
- ☞ Giảm số ngày quay vòng vốn.
- ☞ Huy động thêm vốn từ cổ đông khi cần thiết.

e. Nhân lực.

- ☞ Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân.
- ☞ Thu hút thêm nhân sự có năng lực.
- ☞ Đào tạo các chuyên gia trong nước và hướng tới thay thế dần những chuyên gia nước ngoài bằng các cán bộ có năng lực trong nước.

14.3. Các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện.

CHỈ TIÊU	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007	
	Giá trị	tăng giảm so với 2004 (%)	Giá trị	tăng giảm so với 2005 (%)	Giá trị	tăng giảm so với 2006 (%)
Vốn điều lệ (triệu đồng)	182.676	0,00%	182.676	0,00%	182.676	0,00%
Doanh thu (triệu đồng)	757.373	63,39%	848.039	11,97%	829.829	11,39%
<i>Nhà máy Đồng nai</i>	608.087	31,18%	668.896	10,00%	729.698	9,09%
<i>Chi nhánh Hải d-ong (*)</i>	149.286	-	179.143	20,00%	214.972	20,00%
Lợi nhuận tr-ớc thuế (triệu đồng)	39.739	-40,00%	67.950	70,99%	85.113	125,26%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) (**)	35.990	-35,65%	63.776	77,20%	75..257	18,00%
<i>Nhà máy Đồng nai</i>	43.110	-22,92%	51.468	19,39%	55.849	8,51%
<i>Chi nhánh Hải d-ong</i>	-7.120	-	12.308	-%	19.408	57,68%
LN sau thuế / doanh thu (%)	4,75%	-60,62%	8,01%	-%	9,07%	4,48%
LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%)	19,70%	-35,65%	34,91%	-%	41,20%	18,00%
Cổ tức (đồng/cổ phần)	1.500	0,00%	1.500	0,00%	1.500	0,00%

(*) Chi nhánh Hải D-ong năm 2005 bắt đầu chính thức đi vào hoạt động.

(**) Theo Giấy phép đầu t- đã đ-ợc cấp, Nhà máy Đồng Nai đã hết thời gian - u đãi miễn giảm thuế TNDN và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế TNDN hằng năm bằng 15% Lợi nhuận thu đ-ợc. Nhà máy Hải D-ong đ-ợc miễn thuế TNDN bốn (04) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong bốn (04) năm tiếp theo. Thuế suất thuế TNDN bằng 15% lợi nhuận thu đ-ợc trong 12 năm đầu và 25% cho các năm tiếp theo.

Theo kế hoạch Công ty đ-a ra, trong năm 2005 lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm so với năm 2004 mặc dù doanh thu tăng hơn 30%, lý giải cho nguyên do trên nh- sau:

- ☞ Giá nguyên liệu vẫn còn duy trì ở mức cao, trong khi đó l-ợng dự trữ chiếm l-ợc của Công ty không còn nhiều, Công ty phải mua thêm nguyên vật liệu mới với giá cao hơn.
- ☞ Sản l-ợng tiêu thụ của nhà máy tại Đồng Nai giảm do sản l-ợng tiêu thụ tại thị tr-ờng phía Bắc đ-ợc chuyển giao cho nhà máy Hải D-ong đảm nhận.
- ☞ Nhà máy tại Hải D-ong mới đi vào sản xuất trong năm 2005, các máy móc thiết bị mới đ-a vào sử dụng tất cả còn trong giai đoạn phải khấu hao, sản l-ợng tiêu thụ còn thấp so với năng lực thiết kế nên giá thành sản xuất trên một đơn vị sản phẩm còn cao đ-a đến lợi nhuận trên đơn vị sản phẩm thấp.

Sang các năm sau, tình hình hoạt động kinh doanh sẽ dần đi vào ổn định, cùng với sự phát triển của thị tr-ờng và sự năng động trong kinh doanh của Công ty, sản l-ợng tiêu thụ sẽ tăng dần và kết quả hoạt động kinh doanh sẽ tốt lên. Công ty dự tính đến năm 2007 sản l-ợng sẽ tăng hơn 70% và lợi nhuận sẽ tăng hơn 25% so với năm 2004.

15. **Đ**ánh giá của tổ chức t- vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.

D- ới góc độ của tổ chức t- vấn, Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dây và cáp điện Taya Việt Nam cũng nh- lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Chúng tôi nhận thấy rằng sự phát triển nhu cầu tiêu dùng dây và cáp điện trong các năm tới gia tăng ở mức 10-15% là hoàn toàn có thể. Taya Việt Nam là doanh nghiệp đ- ợc thừa h- ờng công nghệ và kinh nghiệm tích lũy hơn 50 năm trong ngành sản xuất dây và cáp điện của Tập đoàn Taya, cùng với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và năng lực cao của bộ máy lãnh đạo, đã tạo cho Công ty có vị trí ổn định trên thị tr- ờng. Chính vì vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có thể duy trì sự tăng tr- ờng trong những năm tới. Nếu không có những diễn biến bất th- ờng gây ảnh h- ờng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong 3 năm 2005-2007 là có tính khả thi và Công ty cũng đảm bảo đ- ợc tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đ- ồng nh- kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin l- u ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên đ- ợc đ- a ra d- ới góc độ đánh giá của một tổ chức t- vấn, dựa trên những cơ sở thông tin đ- ợc thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng nh- tính chắc chắn của những số liệu đ- ợc dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu t- khi tự mình ra quyết định đầu t- .

16. **T**hông tin về những cam kết nh- ng ch- a thực hiện của Công ty.

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đ- ồng thành lập Công ty cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam đã đ- ợc thông qua ngày 25 tháng 06 năm 2005, Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 15%. Thời điểm thực hiện chi trả sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.

Do vậy, Công ty dự kiến sẽ thực hiện việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu sau khi cổ phiếu của Công ty đã đ- ợc niêm yết trên thị tr- ờng chứng khoán và đ- ợc sự chấp thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu t- .

17. **C**ác thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh h- ờng đến giá cổ phiếu:

Công ty không có tranh chấp kiện tụng.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.

1. **L**oại chứng khoán: **Cổ phần phổ thông**
2. **M**ệnh giá: 10.000 đồng
3. **T**ổng số cổ phần đăng ký lại: **3.653.480** cổ phần, trong đó số l- ợng cổ phần bị hạn chế chuyển nh- ợng theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ Công ty là: **434.592** cổ phần.
4. **G**ía niêm yết dự kiến: 19.000 đồng/cổ phần
5. **P**h- ơng pháp tính giá: Giá đấu giá bình quân.

Sử dụng giá đấu giá bình quân theo kết quả đấu giá của Công ty thông qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP. HCM và Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 27/05/2005 làm cơ sở dự kiến giá niêm yết.

6. **G**ới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với ng- ời n- ớc ngoài.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với ng- ời n- ớc ngoài.

Sau khi đ- ợc niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, tỷ lệ nắm giữ của ng- ời n- ớc ngoài tuân theo các quy định hiện hành của Chính phủ về chứng khoán và thị tr- ờng chứng khoán.

7. **C**ác loại thuế có liên quan:

Theo khoản 5 điều 13, Nghị định 38/2003/NĐ-CP về việc chuyển một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần: “*Công ty cổ phần đ- ợc h- ớng các - u đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, giải quyết các tranh chấp phát sinh và các quyền, các nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật đầu t- n- ớc ngoài và giấy phép đầu t- đã đ- ợc cấp tr- ớc khi chuyển đổi*”. Do vậy, căn cứ theo Giấy phép đầu tư số 414/GP ngày 07/09/1992 và các Giấy phép đầu t- điều chỉnh số 414/GPĐC ngày 12/01/1998, 414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN ngày 23/06/2003 và 414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN ngày 07/05/2004:

- **Đối với nhà máy tại Khu Công nghiệp Biên hoà II:** thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% lợi nhuận thu đ- ợc. Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm. Tiền thuê mặt bằng và phí sử dụng các công trình tiện ích công cộng trong Khu công nghiệp Biên Hoà II cho Công ty phát triển khu công nghiệp Biên Hoà (Sonadezi Biên Hoà) theo hợp đồng ký kết giữa hai bên.

- **Đối với Chi nhánh sản xuất tại xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương:** thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi kinh doanh có lợi nhuận và giảm 50% trong 04 năm kế tiếp. Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm. Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam tiền thuê đất hàng năm tại xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với mức 0,1 USD (không phải một đô la Mỹ)/m²/năm. Mức tiền thuê đất này được điều chỉnh lại sau mỗi chu kỳ 05 năm và có tỷ lệ gia tăng không vượt quá 15% so với lần công bố trước đó. Doanh nghiệp được miễn tiền thuê đất 07 năm, kể từ ngày hoàn thành xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động.

Ngoài ra, theo quy định hiện hành, các tổ chức có chứng khoán được niêm yết lần đầu sẽ được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 02 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết.

Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với mặt hàng dây cáp điện và dây điện từ áp dụng là 10%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.

1. Tổ chức phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM (TAYA VIỆT NAM)

Địa chỉ: Khu công nghiệp II, Long bình, Biên hoà, Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: (84-61) 836361-836364 Fax: (84-61) 836388

2. Tổ chức kiểm toán.

CÔNG TY KẾ TOÁN KIỂM TOÁN T- VẤN VIỆT NAM (AACC).

Văn phòng Hà nội: G02-Toà nhà Maison de Thái thịnh 104 Thái thịnh, Q Đống Đa, HN.

Điện thoại: (84-4) 537 1913 Fax: (84-4) 537 1912

CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM (VACO).

Địa chỉ: Số 08, Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 8524123 Fax: (84-4) 8524143

3. Tổ chức t- vấn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Địa chỉ: 94 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-04) 943 3016 Fax: (84-04) 943 3012

Chi nhánh: Số 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 914 1992 ~ 5 Fax: (84-8) 8218566

VII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.

1. Rủi ro biến động kinh tế.

Mục tiêu của Công ty là tập trung mở rộng quy mô, phát triển tiêu thụ tại thị trường trong nước nhằm thay thế hàng nhập khẩu chất lượng cao. Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ bởi các công trình xây dựng công nghiệp, xây dựng cao ốc, nhà ở, công trình mạng lưới truyền tải điện hạ áp. Do vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến việc gia tăng sử dụng năng lượng nói chung trong tiêu dùng và công nghiệp, đặc biệt là năng lượng điện, nhu cầu sử dụng dây và cáp điện sẽ không ngừng gia tăng.

Những năm trở lại đây, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định: năm 2002 đạt 7,1% và năm 2003 là 7,23%, năm 2004 đạt 7,7%. Các chuyên gia phân tích đều cho rằng, trong các năm tới, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam duy trì ở mức 7- 8%/năm là hoàn toàn khả thi. Sự phát triển lạc quan của nền kinh tế có ảnh hưởng tốt đến sự phát triển của ngành sản xuất kinh doanh dây và cáp điện và hoạt động kinh doanh của Taya Việt Nam.

2. Rủi ro pháp luật.

Là doanh nghiệp nước ngoài chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Taya Việt Nam chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, còn có những ràng buộc pháp luật trong ngành liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật quy định cho sản xuất dây và cáp điện tiêu thụ tại Việt Nam. Trình độ sản xuất của Công ty ở mức đạt và vượt những tiêu chuẩn được Nhà nước quy định vì vậy rủi ro về thay đổi những tiêu chuẩn kỹ thuật ít ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. **Rủi ro tỷ giá hối đoái.**

Phần lớn các nguyên liệu của Công ty đều phải nhập khẩu. Công ty thanh toán các đơn hàng nguyên liệu nhập bằng nguồn ngoại tệ mua của Ngân hàng. Sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ tác động đến giá thành nguyên liệu đầu vào của Công ty gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Trong những năm gần đây tỷ giá VND/USD biến động không lớn, mức giao động tỷ giá hối đoái khá thấp nên không ảnh hưởng nhiều đến việc xuất nhập khẩu. Mặt khác, Công ty cũng tự cân đối một phần nguồn ngoại tệ sử dụng của mình từ việc xuất khẩu sản phẩm, do vậy cũng góp phần hạn chế thiệt hại liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái.

4. **Rủi ro tài chính.**

Công ty thực hiện chính sách tín dụng bán hàng với các Đại lý và những khách hàng tiềm năng. Tín dụng bán hàng luôn tạo rủi ro cho các doanh nghiệp khi thực hiện do ảnh hưởng từ việc mất khả năng trả nợ của các đối tác, điều này ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình tài chính của bên cấp tín dụng. Công ty thực hiện cấp tín dụng cho các đối tác trên cơ sở lập hồ sơ về năng lực của đối tác căn cứ vào các yếu tố khảo sát về năng lực tài chính, khả năng tiêu thụ, uy tín để định hạn mức nên hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại phát sinh trong quá trình thực hiện.

5. **Rủi ro khác.**

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

VIII. **PHỤ LỤC.**

1. **Phụ lục I:** Điều lệ Công ty.
2. **Phụ lục II:** Báo cáo kiểm toán năm 2003, 2004 và Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2005.

CHỮ KÝ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC,
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC

SHEN SHANG PANG

CHEN PING SEN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BKS

CHENG YU MEI

KUO LAO FU